NĂM THỨ BA — Số 124 Thứ năm 9 Décembre 1943

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

Mục lục

* Phong dao và lịch sử... ? — *Hoa-Bằng*
* Vua Lê Thánh-tông — *Nguyễn-văn-Tố*
* Đôi lời thêm về bà công-chúa An-Thường (I) — *Mãn-khánh Dương-Kỵ*
* Đại-nam dật-sự (XVI) — *Ứng-Hòe*
* Đọc sách — *Tiên-Đàm*
* Tùy-hứng — *Song-Cối — Chu-Thượng*
* Vũ-như-Tô (Kịch lịch-sử, IV) — *Nguyễn-huy-Tưởng*
* Nam-đàn bát châu thi-thảo (XIX) — *Tùng-Vân đạo-nhân*
* Tính ỷ-lại của nữ thanh-niên ngày nay — *Bà Lưu-văn-Lợi*
* Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết, XIII) — *Chu-Thiên*

Tòa báo: 95 97, Chanceaulme, Hanoi.

Một năm **12$00** — 6 tháng **6$50** — 3 tháng **3$50** — Mỗi số **0$3**

Làm thế nào mà biết được những câu phong-dao ấy là có liên-quan đến người hoặc việc trong lịch-sử nước ta?

HOA-BẰNG

NĂM giáp-dần đời Duy-tân thứ tám (1914), ông phó-bảng Tiểu-Cao Nguyễn Văn-Mại có viết cuốn *Việt-nam phong sử* (1). Tác-giả lựa-chọn những câu phong-dao nào có ý hơi hợp với quốc-sử thì nêu một bài dẫn ở trên, rồi áp dụng câu phong-dao ấy ở cuối làm lời kết để tỏ rằng phong-nhân xưa đặt ra câu này là vì người này ở thời-đại này, và câu kia là vì việc kia ở thời-đại kia...

Chẳng hạn, về việc đức Lý Bôn (2) khởi nghĩa, đưa dân ta thoát vòng đô-hộ của người Tàu, tác-giả *Việt-nam phong sử* gán cho câu này:

« *Nước lã mà vã nên hồ,*
« *Tay không mà nổi cơ-đồ mới ngoan !* »

Về việc Lý-ông-Trọng giúp Tần và Khượng-công-Phụ làm quan với nhà Đường, tác-giả gán :

« *Gáo vàng đem múc giếng tây,*
« *Khôn-ngoan cho lắm, tớ thầy người ta !* »

Để ép tài-liệu vào đoạn sử Trưng-Chắc (3) đánh đuổi Tô Định, thu phục 65 thành (4), ông Tiểu-Cao chứng thực bằng 14 chữ :

« *Thương chồng, nên phải gắng công,*
« *Nào ai xương sắt, da đồng chi đây !* »

Muốn tả nỗi thống-khổ dưới ách đô hộ người Tàu, dân ta chỉ như con Cóc trong đống tre ngâm và thân Rùa nơi đình chùa, tác giả *V. N. P. S.* khẳng-nhận ngay mấy câu phong-dao này là chỉ việc ấy :

« *Cóc kêu dưới vũng tre ngâm,*
« *Cóc kêu mặc Cóc, tre dầm mặc tre !* »

Và :

« *Thương thay thân-phận con Rùa :*
« *Lên đình đội hạc, xuống chùa đội bia !* »

Rất đỗi những trang sử diễm tình như Tiên-Dung công-chúa với Chử-đồng-tử và ai-tình như Trọng-Thủy với Mỵ-Châu, cũng được tác-giả *V. N. P. S.* đem mấy câu dưới đây mà gò-gập vào cho phù-hợp với hai thiên « tình-sử » ấy :

« *Sóng sâu, suối hiểm làm vầy,*
« *Ai xui em tới chốn này gặp anh ?*
« *Đào tơ, sen ngó xanh xanh,*
« *Ngọc lành phải giá, gái lành phải duyên.*
« *Cho hay tiên lại gặp tiên,*
« *Phượng-hoàng há dễ đứng chen cùng gà !* »

Và :

« *Mênh-mông góc bể, bên trời,*
« *Những người thiên-hạ nào người tri-âm ?*
« *Buồn riêng thôi lại tủi thầm :*
« *Một duyên, hai nợ, ba lầm lấy nhau !* »

Rồi cứ theo cái lệ như tôi đã cử ra đó, tác-giả *V.N.P.S.* kéo suốt từ đời Lạc-long-quân cho đến cuối Lê : hễ là người lịch-sử hay là sử-thực thì thường được tác-giả ép phong-dao phải liên-quan với, miễn sao cho hợp cái nhan sách là *Phong-sử* của ông.

***

Đã đành phong-dao là tiếng vang-dội của thời-đại, là con đẻ của hoàn-cảnh xã-hội, nên có nhiều câu là bối-cảnh của lịch-sử ; nhưng đời xa, năm lâu, chúng ta ở dưới nghìn xưa, tối kỵ là đi vào con đường phụ-hội xuyên tạc, làm mất cái chân ý và tự-nhiên của phong-dao, trừ ra khi nào chúng ta có đủ bằng-chứng đáng tin thì hẳng nên khẳng-nhận.

Tôi, để tỏ ý dị đồng với ông Tiểu-Cao, từ năm 1939, đã có bài nói rõ những câu phong-dao xếp trong *Việt-nam phong-sử* ấy phần nhiều là khiên-cưỡng và không đứng vững. Nay xin bổ thêm vào ý đó mà giải-thích cho kỹ-càng hơn, đầy đủ hơn :

1·) Không đứng vững vì nhiều người lịch-sử có cảnh-ngộ và hành-vi giống nhau. — Cùng một trường-hợp tay không quật khởi, chống ngoại xâm, phục cố quốc, thiết tưởng chẳng riêng gì một mình Lý Bôn, tức vua Tiền Lý Nam-đế (544-548), mà trước đã có Trưng-Chắc, sau lại có Phùng-Hưng, v. v. nữa. Nếu bảo câu « *Nước lã mà vã nên hồ* » là chỉ về Lý-Bôn thì sao lại không thể chỉ về Trưng-Chắc và Phùng-Hưng được ?

Cũng một cảnh-huống đứng bên hàng-ngũ chồng, nhiều bậc anh-thư bước ra chỉ vì nghĩa-vụ mà phải gắng công, làm nên một trường oanh oanh liệt liệt. « *Một chiếc thoa gieo nơi tú các, ba quân sấm động chốn nhung trường* » (5), như Phùng thị Chánh (6) hoặc Bùi thị Xuân (7), thì ai dám bảo là không hợp với câu « *Thương chồng nên phải...?* »

2) Không đứng vững vì bức tranh « Phong-dao » ít khi vẽ rõ màu-sắc thời-đại. — Dân ta ở hồi Bắc-thuộc ròng-rã mấy lần hàng ngót 10 thế-kỷ. Cái cảnh mẹ gà, con vịt, công làm, ngay ăn, cố-nhiên ai cũng biết là thân-phận « Cóc » và « Rùa » rồi, không cần phải nói nữa.

Nhưng ngoài việc than-vãn cái cảnh Bắc-thuộc ấy ra, phong-nhân còn có quyền tả vẽ cái đời một tên dân ở dưới chế-độ phong-kiến ngày xưa nữa. Hạng thứ-dân xưa, chẳng nói, ai nay cũng rõ rằng họ là một tầng-lớp cuối-cùng của một xã-hội nhiều bậc, lắm nấc ở thời cổ.

Tôi có được nghe một câu chuyện ở hương-thôn đã xảy vào khoảng từ cuối Lê trung-hưng đến hồi người mình tiếp xúc mật-thiết với Âu-tây (lối 1740 1883) :

Một nhà kia, vì ông cha nối đời có cao khoa, hiển hoạn, chiếm được địa-vị « đàn anh, kẻ cả » trong làng. Trong khi phụ huynh nhà ấy đi làm « ông triều » vắng, thì anh em con cháu ở nhà thực hành luôn câu : *Một người làm, cả họ nhờ...*

Rồi những khi nhà ấy có giỗ, người ta bắt dân làng phải đóng tiền, góp gạo, phải xu sự, phó công. Hễ vỡ một chiếc đĩa, hay sứt một miếng bát thì dân làng tất phải bỏ nhau đóng góp mà đền. Những dịp « thì... thùng... » trống canh ở cổng nhà ấy dường dẫn từng tiếng họa lại câu phong-dao :

« *Thương thay, thân phận con Rùa :*
« *Lên đình đội hạc, xuống chùa đội bia !* »

Nhưng, « *Cóc kêu dưới vũng tre ngâm,*
Cóc kêu mặc Cóc, tre dầm mặc tre ! »

Rút cục có ai thấu đến nông-nỗi của Rùa, của Cóc !

Như vậy, mấy câu trên đây, ai bảo chỉ có thể ứng-dụng vào trường-hợp Bắc-thuộc ? Phải, khi thấy phong-nhân đem vật cụ-thể là Rùa đá đội bia, Rùa đồng cõng hạc để hình-dung vào việc trừu tượng, làm tượng-trưng về cái cảnh-huống của hạng thứ-dân dưới cái nấc thang vương, hầu, công, khanh, đại-phu và sĩ, thì sao lại không thể trỏ vào hạng dân quê phải canh cổng và đền bát vỡ trong những ngày kỵ nhà kia ?

3) Không đứng vững vì những câu ngôn tình trong phong-dao phần nhiều là tiếng dội chung của nam nữ nơi đồng-bái. — Tác-giả *Việt-nam phong sử* chứng bằng-cứ vào câu « *... tiên lại gặp tiên...* », nên mạnh-bạo gán cả một thiên « *Sông sâu, suối hiểm...* » kia vào việc Tiên-Dung và Chử đồng-tử. Lại thấy việc Trọng-Thủy và My-Châu là chuyện tình phụ, bèn ép nhải phù-hợp với thiên « *Mộng-nênh góc bể...* » kia. Nhưng, kỳ thực, hai thiên ấy đâu có phải chuyên chỉ về chuyện Tiên-Dung với chuyện My-Châu !

Có thể lắm, một cô thợ cấy hãy còn đào tơ, sen ngó, lên mạn ngược có « suối hiểm » để làm ăn, rồi vì

(Xem tiếp trang 21)

---

1) Cử nhân Lê Duy Phùng và cử-nhân Nguyễn Văn-Phát cùng khảo-chú ; hai con của tác giả là Cát-khanh Văn-Địch và Sảng đình Văn-Thích cùng phiên dịch. — Sách viết của trường Bắc-cổ (vừa chữ nho, vừa chữ nôm).

2) Chữ này còn có mấy âm nữa : Bi, Phần...

3) Tôi vẫn chủ trương cái thuyết tên hai bà Trưng là đặt theo hai tiếng thuật ngữ trong nghề chăn tằm của ta : « Kén chắc » và « Kén nhi », nên từ đó đến nay, tôi vẫn viết húy bà Chắc bằng vần Ch và bà Trưng em là Trưng Nhi. (Xin coi T. T. số 42, ngày 8 14 Avril 1942).

4) Đ i Việt sử ký quyển 3, tờ 6 a ; Khâm định Việt sử quyển 2, tờ 10 a.

5) Các-Hương, H. T. H. Trưng-vương lịch sử trang 15.

6) Phùng thị-Chánh, người trang Phù-nghĩa, thuộc Sơn tây, là vợ ông Đinh Lượng. Thấy chồng bị Tô Định giết chết, bà liền giúp vua Trưng-vương, lập được nhiều công trong cuộc đánh đuổi quân Hán. Sau khi họ Trưng hoàn-toàn thất bại trước cuộc tiến công của Mã Viện, bà cũng tự sát ở làng Tuần xuyên để chết theo nước (theo Sở Cuồng, Nam quốc nữ lưu, trang 16).

7) Bùi thị Xuân, người Quy nhơn, vợ Trần Quang-Diệu, thiếu-phó dực vận công-thần đời Tây sơn. Khi chồng cầm binh ra trận-mạc bà thường chia quân đi đánh dẹp giúp chồng.

Năm Bảo hưng thứ hai (1802), thua trận Nghệ-an, bà cùng chồng từ huyện Thanh chương qua đò Thanh-long, rồi cả hai đều bị bên Nguyễn bắt được, đóng cũi điệu về Bắc thành (Hà-nội). Vua Nguyễn sai quấn vải tẩm sáp, bỏ thanh một cây đuốc sống để tế trận vong tướng sĩ : lửa cháy, người bỏng, nhưng miệng vẫn nói những lời bất khuất. Khi lửa cháy tới đầu, nổ lên một tiếng, thật chết mới hết nói.

VUA LÊ THÁNH-TÔNG

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

NGƯỜI Pháp thường nói có « bốn thế-kỷ lớn » (les quatre grands siècles), là « thế-kỷ » Périclès (về thế-kỷ thứ năm trước Thiên-Chúa), « thế-kỷ » Auguste (về thế-kỷ thứ nhất sau T.-C.) « thế-kỷ » Léon X hoặc Médicis (về thế-kỷ thứ mười sáu sau T.-C.) và « thế-kỷ » Louis XIV (về thế-kỷ thứ mười bảy sau T.-C.).

Bốn ông Périclès, Auguste, Léon X và Louis XIV, không ông nào sống được một thế-kỷ, nhưng trong khi các ông ấy cầm quyền có nhiều bậc thiên-tài xuất-hiện, cho nên nhà làm sử thường tôn đời các ông ấy làm một « thế-kỷ », để nêu sự-nghiệp lừng-lẫy đã ảnh-hưởng đến các đời sau, nhất là về đường văn-chương và mỹ-thuật.

Ở nước ta, đời ông Lê Thánh-tông (1442-1497) làm vua 38 năm, sống 56 tuổi, cũng có thể gọi là « thế-kỷ Lê Thánh-tông », vì ngài là một vị vua đủ cả văn-tài võ-lược, hơn hẳn các vua đời trước cho nên về văn-học, về chính-trị, về luật-lệ, về khai-thác, đáng gọi là một đời thái-bình thịnh-trị.

Về văn-học, thì ngài là « một bậc tư tính cao minh mà lại ham học, kinh sử tử tập, lịch số toán chương, ngài đều kiêm-thông » (*Lịch triều hiến chương*, nhân-vật chí). Văn thơ ngài lại xuất-sắc lắm : trong những tập để là *Quỳnh uyển cửu ca* (bản sao của Trường Bác-cổ số A 1413), *Văn-minh cổ-xuý* (A 254, 2 quyển), *Châu-cơ thắng thưởng* (A 254), *Cổ kim cung từ* (chép theo *Ngự-chế Việt-sử tổng-vịnh*, quyển 2, tờ 16 b), *Cổ tâm bách vịnh* (10 quyển, thấy chua tên trong *Lịch-triều hiến chương*), (*Xuân vân thi tập* (chép theo *Lịch triều hiến chương*), *Hiếu trị anh noa* (chép theo *Toàn Việt thi lục*, số A 1262, quyển 5, tờ 2 b), hiện nay hãy còn nhiều tập lưu hành. Đến những sách của các quan thời bấy giờ phụng sắc biên chép, thì có quyển *Minh-lương cẩm-tú*, *Hồng-đức thi-tập* (vừa chữ vừa nôm), *Thiên-Nam dư-hạ*, 100 quyển (1), *Thiên-hạ bản-đồ*, *Sĩ-hoạn quan-trâm*, (2 quyển), *Hoàng-triều quan-chế* (6 quyển), *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (15 quyển) của ông Ngô-sĩ-Liên chép v. v. Dân-gian bây giờ còn truyền tụng những bài thơ nôm nào có vẻ văn-chương đài-các, thường bảo là của vua Lê Thánh-tông, như bài *Vào chùa mến cảnh*, *Đề miếu tiết-phụ*. Ngài tự hiệu là « Tao-đàn nguyên-súy », cho ông Thân-nhân-Trung và ông Đỗ-Nhuận làm phó-nguyên-súy, còn 28 ông nữa (2) gọi là « Tao-đàn nhị-thập-bát tú » (28 ngôi sao ở trong đàn thơ).

Ngài sai làm lại và mở rộng nhà Thái-học (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 23, tờ 38 b). Trong đời Hồng-đức (1470-1497) khoa-cử rất thịnh, tuyển người rất công, đầu bài cốt hỏi đại-thể, không chọn những câu khó chữ lạ, lấy học trò cốt người thực-tài, không câu-nệ lời văn, cho nên vào đời vua Lê Thánh-tông học được rộng mà không khổ về tầm chương trích cú (*Lịch triều hiến chương*, quyển Khoa-mục).

Khi ngài lên ngôi, được ba năm (Quang-thuận thứ-ba, tức năm 1462), định lệ thi hương, cho học-trò trong nước, không cứ gì quân-lính hay nhân-dân, đều được thi ; người nào đỗ hương, đến năm sau thì hội (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 12, tờ 10 a). Ngài đặt lệ ba năm một kỳ thi hội thi đình, thân ra đầu bài, cho truyền loa xướng tên, treo bảng vàng ở cửa Đông-hoa, ban cho ân-mệnh và rước vinh-qui về làng bắt đầu từ năm 1467 (*Toàn thư*, quyển 12, tờ 23a). Định lại phép thi và phẩm-trật những người đỗ tiến-sĩ (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 22, tờ 30 a-b). Khắc bản in Ngũ Kinh để ở nhà Quốc-tử-giám (*Khâm-định*, quyển 20, tờ 21b), bắt quân lính học sách (*K. đ.*, quyển 20, tờ 21b).

Trong khi ngài trị vì có 12 khoa thi tiến-sĩ, được 501 người đỗ có thể gọi là được nhân-tài nhiều nhất trong triều Lê (1418-1789).

Về chính-trị, ngài sửa-sang đổi mới, khác hẳn đời xưa, mà đời nay cũng hãy còn nhiều điều ta vẫn theo, như phẩm-trật và phẩm-phục các quan (*K. đ.*, quyển 20, tờ 6 b và quyển 22, tờ 12 b). Ngài kén những người có tài-đức, danh-vọng, thanh-liêm và cần-mẫn làm chức tổng-trí (tức tổng-đốc, tuần-phủ bây giờ, *K. đ.*, quyển 24, tờ 5-6). Sắc các quan phủ, huyện và xã-quan (xã-quan sau đổi làm xã trưởng) thân đốc các quân dân phải siêng năng việc nông tang (*K. đ.*, quyển

19, tờ 16 a), chia quân lính các vệ cho một nửa về làm ruộng, một nửa ở lại: hết lượt này đến lượt khác (*K. đ.*, quyển 20, tờ 6 b). Dựng đàn tiên-nông và đài quan-canh để vua cầy ruộng tịch-điền (*K. đ.*, quyển 23, tờ 42 b), đặt quan hà-đê và quan khuyến-nông (*K. đ.*, quyển 23, tờ 2 b), định lệ cấp điền và khai-khẩn đồn-điền (*Lịch triều hiến chương*, quyển Quốc-dụng). Cứ ba năm làm lại sổ hộ-tịch một lần gọi là tiểu-điền, sáu năm một lần gọi là đại-điền, sai một viên đại-thần về văn và một viên đại-thần về võ để trông coi, sức các tổng xã đều loại-khai, rồi chia nhân đinh làm sáu hạng (tráng, quân, dân, lão, cố, cùng), hễ 18 tuổi thì kê vào sổ để chọn người khỏe mạnh cho đi lính, còn cho làm dân (*Toàn-thư*, quyển 12, tờ 18 b). Tuyển thêm quân vào các vệ, nhưng vẫn cho tùy số lính để định lần lượt về làm ruộng (*K. đ.*, quyển 24, tờ 13). Chia trong nước làm 12 đạo (sau khi đi đánh Chiêm-thành đặt thêm một đạo nữa là đạo Quảng-nam), đổi bộ làm phủ, đổi trấn làm châu; phủ có chức tri-phủ, châu có chức đồng-tri-phủ; đổi chức chuyển-vận làm chức tri-huyện, tuần-sát làm huyện-thừa, xã-quan làm xã-trưởng (*Toàn-thư*, quyển 12, tờ 25 a).

Năm Quang-thuận thứ sáu (1465) ngài sức bộ lễ sửa dân-tục, vì tục dân càng ngày càng kiêu-bạc; những nhà có tang mê về đạo Phật, thường đến rằm tháng bảy làm chay đốt mã, rồi làm rất nhiều cỗ bàn để mời khách, có nhà lại bầy ra hát xướng và đặt ra trò chơi, gọi là báo hiếu, thì chẳng khác gì hí-trường, ngài đều cấm (*K. đ.*, quyển 19, tờ 33 a). Đến năm Hồng-đức thứ nhất (1470), lại sức cấm những việc tang việc hôn không được trái lễ (*K. đ.*, quyển 21, tờ 26 b). Ngài đặt ra 24 điều dạy, đến đời vua Hiến-tông (1499) lại ban ra cho dân-chúng phải tuân theo (*K. đ.*, quyển 24, tờ 35 b), đại-khái bảo mỗi làng hoặc xóm phải chọn một hai người nhiều tuổi có đức-hạnh, nhân ngày thong-thả đem dân ra đình giảng-dụ huấn-điều, để cho trong làng xóm đều theo mỹ-tục.

(Xem tiếp trang 14)

---

(1) Vua Lê Thánh tông sai Đông-các đại-học sĩ Thân-nhân-Trung, phó-đô ngự-sử Quách-đình Bảo, Đông-các hiệu-thư Đỗ-Nhuận và Đào Cử, Hàn-lâm thị-thư là Đàm văn Lễ biên chép những chính sự trong nước, được một trăm quyển, đề là Thiên-Nam dư-hạ tập. *Ngài tự đề tựa và chép rõ việc thân-chinh Chiêm-thành và Lão-qua, đặt tên là* Thân-chinh ký sự (Khâm-định Việt-sử, *quyển 23, tờ 40 a-b). Bộ* Thiên-Nam dư-hạ *chép đủ cả chế độ, luật-lệ văn thơ, sắc dụ, đại-khái phỏng theo bộ* Hội-điển *đời Đường, đời Tống bên Tàu. Trường Bác-cổ có sao được tám tập (số sách A 334): bản đồ, quan-chế, thân đánh Chiêm-thành, thơ ngự chế và các quan họa vần (tức* Minh-lương cẩm-tú, Quỳnh uyển cửu ca), *văn thơ, sớ sắc, liệt truyện, tạp chí, khảo sử. Ông Phan-huy-Chú làm bộ* Lịch triều hiến chương *có nói rằng: « Tập* Thiên-Nam dư-hạ *sau khi trung hưng, tan nát mất nhiều, mười phần chỉ còn độ một hai, tuy rằng đời nào cũng cố sức mua tìm, nhưng cũng khó thu thập, mãi đến năm mậu-tý hiệu Cảnh-hưng (1768), Trịnh-Sâm cho sưu-tầm, cộng được hơn 20 quyển, sau lại bị loạn lạc, cho nên những nhà cố gia giữ được, chỉ còn độ bốn năm quyển! Những sách làm phép-tắc một đời, mà có thể làm qui mô lâu dài thế mà mất mát như thế, đáng tiếc thay! »*

(2) Hai-mươi tám ngôi sao trong Tao-đàn là: Nguyễn-quang-Bật (xem tiểu-sử và 9 bài thơ cận-thể trong bộ Toàn-Việt thi-lục *của ông Lê-qui-Đôn, bản sao của Trường Bác-cổ, số A 1262, quyển 14, tờ 19 b 21 b), — Nguyễn-nhân-Bị (có 12 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 14, tờ 14 b-17 b), — Ngô-văn-Cảnh, — Lưu-Dịch, — Vũ Dịch (hoặc Vũ Dương, có 10 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 15, tờ 36 b-39 a), — Lưu-hưng-Hiếu (có 10 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 14, tờ 12 a-14 b), — Chu-Hoãn (hoặc Nguyễn-Hoãn, có 7 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 15, tờ 41 a-42 b), — Ngô Hoan (hoặc Ngô-Quyền, có 6 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 14, tờ 36 a-37 b), — Ngô-Hoán (có 13 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 15, tờ 29 a-32 b), — Nguyễn đức-Huấn (có 6 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 14, tờ 25 a-26 b), — Phạm nhu Huệ, — Đàm-thận-Huy (có quyển* Mặc-trai thi-tập, *và 14 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 15, tờ 25-28, — Chu-Huyên (hoặc Chu-Huân, có 6 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 15, tờ 42 b-44 a), — Phạm-tri-Khiêm, — Nguyễn-bảo-Khuê, — Ngô Luân (có 12 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 11, tờ 35 b 38 b), — Lưu-thư-Mận, — Nguyễn-tôn-Miệt (có 8 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 14, tờ 17 b 19 b), — Dương-trực-Nguyên (có 13 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 15, tờ 32 b-36 a), — Đỗ Nhuận (có 12 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 11, tờ 13 a 16 a), — Bùi-Phổ (có 5 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 14, tờ 30 a-31 a), — Phạm-đạo-Phú, — Ngô Thầm (có 5 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 15, tờ 39 b-40 b), — Đo-thuần-Thứ, — Nguyễn-ích-Tốn (có 6 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 14, tờ 22 a-23 a), — Phạm-cẩn Trực, — Thân-nhân-Trung (có 22 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 11, tờ 7 a-13 a), — Nguyễn xung-Xác (có 19 bài thơ trong* T. V. T. L., *quyển 11, tờ 21 a 26 a).*

Đón coi một số tới:

Một nhà mô phạm có tiết tháo
Cụ cử Võ Thạch Nguyễn huy Đ
(1824-1898)
của TIÊN-Đ

ĐÔI LỜI THÊM VỀ BÀ CÔNG CHÚA AN-THƯỜNG

Mãn-khánh DƯƠNG-KỲ

TRONG Tri-Tân, số 113 chuyên-san về văn-học phụ-nữ Việt-nam, cụ Ứng-Hòe có nói về bà công-chúa An-Thường. Trong lúc tìm-tòi tài-liệu lịch-sử, tôi có đọc được cuốn *Cai-dư kỷ-thực* (1) thuật đời bà công-chúa ấy, do con bà là cụ Phan-văn Huy (2) « hòa nước mắt » mà viết ra, có Cẩm quốc-công Miên Ký đề tự vào năm Tự-đức thứ 34 (1881).

Đem so-sánh bài của cụ Ứng-Hòe với *Cai-dư kỷ-thực*, thấy có chỗ không giống nhau, hoặc có điều cụ Ứng-Hòe chưa nói đến. Nay tôi theo *Cai-dư kỷ thực* viết bài này, để góp thêm tài-liệu, tựu-trung xin lược bỏ đoạn nào cụ Ứng Hòe đã chép đúng như trong *Cai-dư kỷ-thực*.

***

Trước hết xin nhường lời cho cụ Phan-văn-Huy cắt nghĩa tên sách của cụ

« Tại sao sách này lại gọi là *Cai-dư kỷ-thực*? Là vì lấy ý của thơ « Nam-cai » (bài thơ trong kinh Thi nói về việc hiếu); còn dư nghĩa là phụ thêm các việc (hiếu) khác nữa, chứ không chỉ nói về sự sớm viếng tối thăm, trước ý thừa chỉ mà thôi. *Kỷ* là chép theo năm. *Thực* là vì không dám sót, thêm một điều nhỏ nào. Hoặc có người bảo: Lúc Huy chưa sinh thì làm sao mà nói thực được. Xin đáp: Huy sinh đã chậm. Nhưng được thực nghe các cung-nữ hoặc người trước nói chuyện thực lại. Từ khi Huy lớn lên thì Huy thực biết, thực thấy, cho nên đều chép việc thực cả; đâu dám bảo là việc không thực. Vì thế mà nhan đề là *Cai-dư kỷ-thực* vậy. »

Xem thế thì ta thấy tác-giả, nhân nghĩ đến bà mẹ hiền của mình, muốn viết bộ sách này để ghi lại đời mẹ, chú-trọng vào chữ hiếu của mẹ, một chữ hiếu rộng-rãi, chứ không phải chỉ có trong việc dâng ngọt tiến bùi mà thôi. Những điều tác-giả thuật lại ta có thể tin được; vì rằng dù đến việc mà thời bấy giờ cho là không tốt, tác-giả cũng cứ chép, như chuyện bà chúa cầu đồng phải tội. Tác-giả nói: « Hoặc có người bảo Huy rằng: Cha che-đậy cho con, con che-đậy cho cha, tại sao một mình Huy lại không giấu cho mẹ? Xin đáp: Các hành-vi của mẹ tôi, người ta ai cũng đều thấy, đều nghe. Nếu giấu một điều nhỏ nào, e không gọi được là *thực*, cho nên chỉ theo *thực* mà chép. Vả lại, người không phải là Nghiêu Thuấn, làm sao mà được mọi điều tận thiện. Xin kẻ thức-giả lượng cho ».

***

Bà công-chúa An-Thường, khi nhỏ ở trong cung, thông minh mẫn tuệ, được cha là vua Minh-mạng, anh là vua Thiệu-trị và các cung thương-yêu lắm (3). Đến sáu tuổi đi học với bà nữ thư-lại Thị-Sửu, đến 9 tuổi đã tỏ ra người chí hiếu.

Nhơn mẹ đau, bà thân coi thuốc thang ngày đêm không nghỉ. Gặp tiết Vạn-thọ, bà cùng các công-chúa được chầu thiện; hữu-ti dâng *thịt vú cừu* (4) là thứ đồ ăn rất ngon. Vua (đức Minh-mạng) cho mỗi người mỗi miếng. Ai nấy đều ăn, duy có bà là ngậm không nuốt. Vua liền cười, bảo:

— « Vị này rất ngon và hiếm, chẳng những thích-khẩu, lại còn bổ ích. Con ăn không quen hay sao? »

Bà liền rời qua chiếu khác, quỳ tâu:

— « Mẹ thần hiện đau, lại gặp Khánh-tiết, không chầu-chực được, nên thần lấy làm lo. Nay biết vị này bổ-ích, thần xin để dành lại cho mẹ, nên không nỡ nuốt; chứ đâu phải thần ăn không quen. »

Vua nghe tâu, khen lắm, liền phán:

— « Con cứ ăn, sẽ cho mẹ con sau ».

Xin các bạn đừng mỉm cười mà bảo rằng miếng ăn đã ngậm vào miệng còn định nhả ra cho mẹ là thiếu vệ-sinh, và cứ để miếng sâm như cụ Ứng-Hòe đã viết có nhã hơn không?

Nhưng tôi xin theo đúng sự-thực mà viết. Vả, thời bấy giờ ai ai cũng khen-ngợi cử-chỉ ấy. Chính tôi đã được nghe các « mệ » (5) thuật lại rằng hồi trước gặp khi vua tứ-yến, các quan, trước khi

ăn, thường cất một thức gì đem về cho cha mẹ, để cha mẹ cũng được hưởng ơn vua. Có những quan không ngần-ngại tí nào bỏ ngay con gà hầm vào tay áo thụng! Thế là hiếu, là đại-hiếu.

Nhưng cũng vì chữ hiếu, mà sau này, có lần bà công-chúa đã phải tội. Nhơn mẹ đau ho lao thổ huyết, công-chúa hết sức săn-sóc, khấn trời xin chết thay cho mẹ. nhưng đến năm Minh-mạng thứ 18 (1837) thì bà mẹ mất. Công-chúa buồn rầu không xiết, nhớ thương không nguôi, « muốn thấy nhưng không có cơ-hội nào gặp lại được ». Các cung-nữ đến khuyên-giải, có người mách rằng có một người đàn bà tên là Thị-Hoạch biết được thuật chiêu hồn, khi gọi đồng lên thì ngôn-ngữ như lúc còn sống. Công-chúa nghe nói đúng với điều mình thường mong-mỏi, liền quên điều cấm mà sai người đi mời Thị-Hoạch đến gọi đồng mẹ. Việc phát-giác ra. bà bị tội, và bị vua cách bỏ hai chữ công-chúa. Mãi đến lễ đoan-dương, trong cung lệ có tứ-yến, bà có lỗi, không được dự. Vua Minh-mạng thấy bà vắng mặt không khỏi buồn và lại nghĩ rằng bà vì quá thương mẹ nên nhất thời trót lầm-lỡ, bèn sai đặt một chiếu dưới xa cho ngồi ăn. Rồi lại cho phục chức công-chúa. Việc nầy xảy ra vào năm Minh-mạng thứ 19 (1838) (6).

Tuy là một công-chúa, bà vẫn sành về việc nấu-nướng. Năm Minh mạng thứ 13 (1832), vua sắc các hoàng-nữ tự nấu đồ ăn, ai nấu khéo được thưởng, nhân dịp ấy bà được thưởng một đồng tiền vàng (Đại hạng Long vân kim-tiền).

Bà lại còn nhanh nhẹn, khéo-léo tay chân; trong cung có chơi « ném cầu » (phao cầu) (7) đã ba ngày chưa ai trúng cách, đến phiên bà thì đánh trúng, được thưởng ba đồng tiền vàng.

Bà lại còn hay chữ, vua Minh-mạng làm thơ, sai bà quỳ bên ngự-tháp để chép.

Đến khi vua Minh-mạng băng, bà đau khổ quên ăn ba ngày. Vua Thiệu-trị thường ban cháo ngự và an-ủi.

Ở trong cung thì vậy, khi đã hạ giá, lại tỏ ra một người vợ hiền, dàu thảo. Bà gia đau, công-chúa thân hành ngày đêm săn-sóc. Một hôm, bưng cháo hầu bà-gia, bà gia bảo:

— Sao lại không giao đầy-tớ làm cho. Tôi đâu dám làm phiền công-chúa! »

Bà dạ dạ, không tỏ ra nhọc-mệt tí nào. Bà gia thấy tâm-thành « vui-vẻ ăn nhiều lên, rồi mạnh. »

Chính bà săn sóc đến việc dạy-dỗ con là Phan-văn-Huy; từ nhỏ dạy các sách *Hiếu-kinh*, *Trung-kinh* và *Tiểu-học*, lớn mới dạy sang ngoại-truyện.

(*Xem tiếp trang 18*)

1·) Sách viết tay, giấy có in bốn chữ « Phan-thị tàng-bản » do quan Tham-tri Phan-văn-Phúc, cháu đích tôn của bà công-chúa An-Thường cho tôi mượn. Xin trân trọng cảm ơn quan Tham-tri-Phan quý Chức.

2·) Người ta thường gọi là cụ Hiệu, nổi tiếng hay chữ ở Huế, thời bấy giờ. Cụ tuy hay đau yếu, nhưng rất thông minh. Tương-truyền lại rằng : lúc cụ lên sáu tuổi, mới tập làm đối một ; một hôm, theo hầu cậu là Tuy-lý vương dưới thuyền. Tuy lý vương thấy cụ ngộ-nghĩnh, liền ra chữ « tiểu » bảo đối lại. Cụ đối : « đại ». Tuy lý vương ra chữ « đồng », Cụ đối : « tướng ». Cứ như thế, Tuy lý vương đọc luôn thành câu :

« Tiểu đồng tọa thị chầu trung cửu ».

Cụ đối :

« Đại tướng tổ chinh quách ngoại hàng ».

Tuy lý vương khen lắm và bảo : « Con nhà tướng có khác ».

Lớn lên, cụ thích văn-chương, có để lại một tập thơ, và cuốn « Cai-dư kỷ-thực ». Cụ lại có tài ra vè thơ, người ta tranh nhau mua vè của cụ để đi thả. Cách đánh vè này do Kiến An vương (con trai thứ năm của vua Gia-long) có một người Tàu truyền cho, đem ra chơi đầu tiên ở Kinh-đô. (Thuật theo lời của quan Tham tri Phan văn-Phúc).

3·) Theo lời của Cẩm quốc-công thuật trong bài tự.

4·) Cai-dư kỷ thực viết : đại vĩ dương nhũ nãi. Đại Nam chính-biên liệt-truyện lại viết : đại dương vĩ nhũ nãi. Con cháu nhà họ Phan đều bảo là thịt vú cừu, một thức ăn đời ấy hiếm và quý lắm.

5·) Người Hoàng phái lớn tuổi gọi là « mẹ ». Khi người trong Hoàng tộc đẻ con, dù cho con trai, cũng gọi là « o » (cô) mà thôi, vì sợ gọi con trai thì khó nuôi (ma quỷ thường hay bắt của quý). Đến lớn lên, không có lẽ gọi bằng « o » nữa, nên gọi là « mụ » hay « mẹ ».

6·) Xem việc trên này, ta thấy đời Minh mạng cầm là đạo rất nghiêm. dù cho đến con cũng không tha. Suy thế thì đủ biết việc cấm đạo Gia-tô cũng có nguyên-do vậy.

7·) Cách chơi này, bây giờ không thấy ở Huế nữa. Đồ chơi gồm có một cái đỏ đan bằng tre, cột vào một cái cần, trong đỏ để một cái trống, ngoài ra lại có một quả cầu bằng gỗ, to vừa bằng miệng đỏ. Người chơi đứng gần cần, nắm quả cầu tung lên trời, khi rơi xuống nếu quả cầu lọt vào được miệng đỏ, tiếng trống báo hiệu, ấy là trúng cách.

ĐẠI-NAM DẬT-SỬ

Số 16

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XI. — Có Triệu-quang-Phục không ?

Ông Henri Maspero nói rằng : « Lịch-sử đời Tiền-Lý, theo sách của người Nam chép, thì phần chính ở truyện Triệu-quang-Phục, là một truyện hoang-đường, gốc ở tôn-giáo, cũng như biết bao nhiêu truyện khác đầy dẫy trong sử Nam : đấy là truyện một vị thành-hoàng của mười-lăm làng ở cửa sông Đáy, sưu-tập vào đầu thế-kỷ thứ 14, rồi được tiếng lan rộng hơi nhanh, chép vào quốc-sử hồi cuối thế-kỷ thứ 15. Nhưng chẳng qua là một truyện cổ-tích An-nam, trước đã gán cho vua An-dương, là một ông vua thuộc về đời lộ-sử, mà không có căn-cứ vào sách sử nào cả » *Etudes d'histoire d'Annam*, I, *La dynastie des Li antérieurs, 543-601*, trang 19).

Bảo truyện Triệu-quang-Phục gốc ở tôn-giáo chưa chắc đã đúng, vì nước ta có tục lập đền thờ các bậc có công với nước và có đức với dân, tựa như Âu Mỹ dựng tượng đồng, lập đài kỷ-niệm, đặt ngày đại-hội để kỷ-niệm những bậc danh-nhân. Chỉ có khác một điều là nước ta, ngoài những vị nhân-thần, lại còn có những vị thiên-thần và thủy-thần. Nhưng ông Triệu-quang-Phục có phải là một vị thiên-thần như thế đâu ! Ông có công giữ bờ cõi, chống với quân Tàu, cho dân khỏi bị lầm-than, chứ thực ra không có cái huyền-bí gì cả.

Đã hay rằng mới đọc qua bài ông Henri Maspero thì ai cũng tin là không có truyện ông Triệu-quang-Phục, tức Triệu Việt-vương (549-571), vì có một chứng-cớ rõ ràng, là chuyện Nhã-Lang, con Lý Phật-tử (571-602) sang gửi rể Triệu-quang-Phục, đổi móng rồng, y như chuyện Trọng-Thủy, là con Triệu-Đà (207-137 trước Thiên-Chúa) sang gửi rể An-dương vương, đổi móng rùa ; nhưng xem truyện danh-nhân ở nước nào cũng vậy, phần nhiều có một vài đoạn thần-kỳ : việc nhà khảo-cứu là xem-xét cho kỹ, rồi gạt những đoạn ấy đi, nhưng chỉ được gạt những đoạn ấy mà thôi ; không có lẽ gì mà gạt cả người trong truyện nữa.

Ông Henri Maspero lại nói sách ta với sách Tàu chép xa cách nhau nhiều lắm : sử Tàu thì cổ hơn, cũng có quyền chép ngay từ lúc có việc ; đến như sử ta thì chép sau đến hàng nghìn năm. Vì thế mà ông cho là chép sai. Nhưng về truyện ông Triệu-quang-Phục, sách Tàu cũng có chép như thế này : « Năm thứ hai hiệu Nhân-thọ (602), Lý Phật-tử làm phản, giữ thành của Việt-vương » (Nhân-thọ nhị niên, Lý Phật-tử, phản, cứ Việt-vương thành, — trích trong *An-nam chí nguyên* của Cao-hùng-Trưng, quyển 2, trang 112). — « Năm Nhân-thọ thứ hai (602) đời Tùy Văn-đế, người đầu sỏ ở châu Giao là Nguyễn (tức Lý) Phật-tử, giữ thành của vua Việt-vương » (Tùy Văn-đế Nhân-thọ nhị niên, châu-súy Nguyễn Phật-tử cử Việt-vương thành, — trích trong *Việt-sử lược*, quyển 1, tờ 9 a ; *Việt-sử lược* xếp vào bộ *Tứ-khố toàn-thư* làm sách của Tàu).

Vậy thì rõ ràng là có vua Việt-vương, nhưng sách Tàu không chép rõ tên, cho nên có người nghi là : hay họ chỏ Việt-vương là ông Lý-Bôn chăng. — Không phải, chính hai quyển sách chép trên kia cũng nói rõ ông Lý Bôn tự xưng là Nam-Việt-đế (*Việt-sử lược*, quyển 1, tờ 8 b, và *An-nam chí nguyên*, quyển 2, trang 112).

Vậy thì Việt-đế là ông Lý-Bôn, còn Việt-vương đích là một ông khác. Sở-dĩ sử Tàu không chép rõ công việc của Triệu Việt-vương

ĐÃ CÓ BÁN :

Un Poète humaniste Annamite (Một nhà thơ cổ điển việt-nam) bằng pháp-văn của cụ Thượng Phạm Quỳnh nói về thơ văn của thi-sĩ Phan Mạnh Danh. Có kèm theo bản dịch ra quốc-văn của ông Hán-Thu Nguyễn Tiến-Lãng và nhiều bài khác. Giá : 2 $ 00

Một quyển sách hoàn toàn thơ cả về hình thức lẫn tinh thần :

HỒNG KIỀU

của Phan-Mạnh-Danh

tác giả Thi-Văn-Tập (còn rất ít) và Bút-Hoa (hết), quyển sách đã được đức Bảo-Đại ngự khen. Giá : 1 $ 50

Phan-Phong-Linh, 7 Rue du Marché de Năng-Tĩnh, Nam-định xuất bản.

(Quang-Phục), vì lúc ấy bên Tàu đang loạn-lạc, nhà Tề, nhà Lương, nhà Trần, nhà Tùy đang cướp lẫn nhau, mỗi đời chỉ vài bốn mươi năm, ở trong nước còn chưa kinh-lý xong, huống chi ở nước Nam (tức châu Giao) là một chỗ người Tàu đã cho là xa, thì còn thì giờ đâu mà kinh-lý đến, cho nên không chép truyện.

Vả lại, tuy nước ta đến đời Trần mới chép sử, là lúc bấy giờ mới đặt ra sử-quán, mới có quốc-sử, còn những quyển sử của các nhà tư-gia tự chép, ta thường gọi là « dã-sử », thì trước đời Trần có quyển sử-ký của Đỗ-Thiện ; lại xem những mục-lục tên sách khi nhà Minh lấy về Tàu, thì của ta có những quyển như *Việt-Nam thế-chí*, *Việt-sử cương-mục* (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 13, tờ 5b), v.v. Trong bài tựa và phàm-lệ của ông Ngô-sĩ-Liên làm quyển *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* cũng có nói « lấy quyển *Đại-Việt sử-ký* của sử-thần trước, tham khảo với sử Tàu và dã-sử truyện-trí của ta... làm thành bộ *Toàn-thư* » (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, biểu, tờ 1 a, và phàm-lệ, tờ 1 a).

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam. .	3$50
Tính các vị thuốc. . .	3 00
Khoa thuốc xử nóng. .	2 00
Khoa chữa phổi. . . .	1 00
Khoa chữa mắt. . . .	1 00
Khoa chữa tre con. . .	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

cước quyển lớn 0$69, nhỏ 0$30.

Hỏi : *M. Nguyễn-xuân-Dương Lạc-long 22 Tientsin Hanoi.*

Thống-chế Pétain đã nói :

« Đối với bản chức các người phải giúp đỡ và làm việc. Các người lại phải tận tâm hơn thế nữa ; vì bản chức mong các người sẽ thành đội quân hùng dũng trong trào phục hưng Tổ quốc, một pháo đài gìn giữ cuộc hợp nhất của nước Pháp cuộc hợp nhất mà bản chức phải duy trì.

Lại xem như Sử-ký chép nước ta về đời Hán có Tích-Quang (năm 29 sau Thiên-Chúa) sang làm thái-thú Giao-chỉ đã dạy dân biết học sách ; sau lại có ông Sĩ-Nhiếp (năm 187 sau T.-C.) sang làm thái-thú, dạy dân học sách và văn-chương : như thế là trước đời Triệu-quang-Phục đã có người biết chữ ; biết đâu mấy quyển dã-sử không có từ bấy giờ. Thế thì trước khi ta có sử-quán, sử-thần, ta cũng đã có nhiều người chép truyện trong nước rồi, chứ không phải chỉ có mấy quyển thần-tích mà thôi.

Còn một lẽ nữa, là ông Henri Maspero có kể tên những người Tàu sang làm quan trong đời Tiền-Lý, như Hoàng-pháp-Câu, Lý-cảnh-Thịnh Nguyễn-Trác, Trần-Lưu ; nhưng ông chép nhầm, mà có đúng chăng nữa, cũng phải xét xem những người ấy có sang được đến nơi để nhận chức không ; nhưng ông lại chép nhầm, như Trần-lưu không phải tên người, Sách Tàu chép đoạn ấy rằng : « Giao-chỉ di-lão vãng vãng tương tụ vi khấu sao Trần-lưu, Nguyễn-Trác phụng sử chiêu-ủy chi... », nghĩa là những bọn mọi rợ ở Giao-chỉ thường thường tụ hội đến cướp bóc huyện Trần-lưu ; Nguyễn-Trác phụng mệnh đi sứ để chiêu-dụ (*Việt-kiều thư*, quyển 3 tờ 32 b).

Bằng-cứ vào những lẽ ấy, ta có thể nói rằng : có vua Triệu Việt-vương ; chính sử chép như sau này (tôi bỏ những đoạn về việc gửi rể và đổi mộng rồng).

Năm đinh-mão 547, Triệu-quang-Phục cùng với Trần-bá-Tiên chống nhau, chưa quyết được thua. Quân của Bá-Tiên rất mạnh : Quang-Phục tự xét mình không thể chống lại được, bèn lui về giữ đầm Dạ-trạch. Đầm ấy ở Chu-diên, vòng quanh không biết mấy dặm, cỏ cây rậm rạp, chỗ đầy chỗ thưa xanh um, ở giữa có nền nhà ở được (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 4, tờ 6 a chua rằng ở giữa có bãi nổi ở được), bốn mặt bùn lầy lầm-láp, người ngựa khó đi, chỉ dùng thuyền độc mộc nhỏ, lấy sào đẩy ở trên cỏ nước, thì mới đến nơi, không phải người đã quen lối biết đường thì không biết chỗ nào cả, nếu nhỡ ngã xuống nước, tất bị rắn cắn. Quang-Phục đã quen đường lối, đem hơn hai vạn người đóng đồn ở bãi giữa đầm, ngày thì giấu kín khói lửa hơi người, đêm thì lấy thuyền độc-mộc ra đánh úp quân nhà Lương, giết được rất nhiều, lấy những lương-thực cướp được làm kế giữ lâu. Bá-Tiên cho người đi dò trước để đánh, nhưng không được. Người trong nước gọi Triệu-Quang-phục là Dạ-trạch-vương (*Đại-Việt sử*

(*Xem tiếp trang 17*)

ĐỌC SÁCH

Nhà nho của Chu-Thiên do Hào-Quang xuất bản ở Saigon

Cách đây sáu bẩy mươi năm nếu ai hỏi đến gia thế bạn, bạn chỉ giả nhời một câu « tôi là con nhà nho ». Thế là đủ chứng nhận bạn là con nhà nền nếp, thi thư.

Hai chữ « nhà nho » ấy hình như là một vật thiêng-liêng để đảm bảo cái nhân-cách của một phái người trong nước, phái có tiết-tháo và thanh-bạch...

Nhưng hai chữ « nhà nho » nếu cứ theo nghĩa ngày trước thì lại còn là cả một nền-tảng luân-lý mà bốn chữ « tu, tề, trị, bình » là một chương-trình của người theo dõi trong cửa Khổng, sân Trình vậy.

Nhờ có cái tư tưởng ấy mà đã đào tạo nên những người đã giữ gìn được sĩ-khí, trọn-vẹn được cương thường, xuất cũng cao, mà xử lại càng cao nữa.

Đời Hậu Lê, gặp lúc thay triều đổi họ, bao nhiêu nho thần tuẫn tiết coi chết nhẹ như lông hồng, như các ông trạng Nguyễn quang Lật, Vũ Duệ, bảng-nhỡn Ngô Hoán, tiến-sĩ Đàm văn Lễ, Đàm Thận Huy, Dương trực Nguyên, Nguyễn thái Bạt, Lê tuấn Mậu, v. v... Gần như các ông Hoàng Diệu, Phan Thanh Giảng, Nguyễn Duy đều là những người xuất thân trong làng nho cả.

Lại những kẻ sĩ gặp thời loạn, đành cam chịu cơm rau, áo vải, như Trần danh Án, Nguyễn Thiếp, Hoàng Quang v. v...

Cái phong độ, khí-tiết ấy đã làm cho rạng rỡ nho phong, nên phần nhiều nho giả đều được tôn sùng kính trọng.

Nhưng khốn thay thịnh tất phải suy, đạo Thánh hiền khi trước ngày một xa dần, hậu học hiểu sai, theo nhảm, nên lúc tàn cục không khỏi không có hai hạng: « nho quân tử » và « nho tiểu nhân ». Ai đọc *Tam quốc*, chắc còn nhớ câu luận nho-giả của ông Gia-cát Lượng lúc sang Đông Ngô bị bọn mưu sĩ vặn lý:

« Nho có quân-tử nho và tiểu-nhân nho, khác nhau xa lắm! Quân-tử nho thì trung vua, yêu nước, giữ chính, ghét tà, mong sao cho ơn thấm muôn dân, tiếng lưu hậu thế; còn tiểu-nhân nho thì chỉ loanh quanh trong vòng nghiên bút, xuân xanh làm phú, đầu bạc ngâm thơ, dưới ngọn bút tuy trăm nghìn câu mà trong bụng tuyệt không một mẹo ».

Câu luận ấy thật là rõ-ràng và xác-đáng.

Trong quyển « *Nhà nho* », ông Chu-Thiên đã đem hết tài-liệu về « nhà nho » mà trình bày, cốt viết thành tiểu thuyết mà chú trọng về những sự mắt thấy tai nghe khiến người đọc tưởng như mình sống ngược lại cái hoàn-cảnh sáu bảy mươi năm về trước.

Có người bàn rằng lúc này là lúc vận hội khai thông, sao còn đem những chuyện cổ hủ ấy, những truyện cũ rích ấy ra làm gì! Nhưng thiển kiến tôi chính lúc này lại cần có một quyển sách nói rõ về « nhà nho » để phân-biệt thế nào là « chân nho » và « ngụy nho ».

Trong ngót 400 trang giấy, dưới ngòi bút chắc-chắn và linh-hoạt của ông Chu-Thiên, ta thấy phơi ra những hoàn-cảnh, những hành-vi của nhà nho, nhắc lại những bổn-phận mà ngày nay ít ai nghĩ đến: « *phận sự học trò đối với thày* ».

Vả, cái tình sư-đệ ngày xưa cao lắm, nên quý lắm, kẻ đệ tử một khi ở nhà thày đào tạo mà theo được hết điều nghĩa lý Thánh Hiền dạy bảo là yên trí sẽ thành người đủ tài để giúp vua giúp nước.

Hơn nữa các ông thày khi xưa lại là những « nhà nho » biết « tu thân » mình trước rồi mới thiết trướng dạy học, « nằm-nằm nớp-nớp » bao giờ cũng lo làm sáng đạo Thánh Hiền và duy trì lễ giáo.

Quyển « Nhà nho » không những là một quyển tiểu thuyết đáng chú ý, lại còn là một thiên khảo-cứu cho những ai muốn tìm hiểu tình tình của « nhà nho » hồi trước.

Đọc xong « Nhà nho », tôi xin thành thực mừng ông Chu-Thiên và vui lòng giới-thiệu cùng độc giả thân yêu:

TIÊN-ĐÀM

Đã có bán:

CÔ THÚY

Giải thưởng văn-chương Tự-Lực Văn-Đoàn năm 1935 của Ng.-khắc-Mẫn Giá 3$20

HỒN QUÊ

của Ng.-khắc-Mẫn Giá4$50

Sách in lần thứ nhất dày hơn 400 trang — Bìa bằng giấy Vóc Phượng-Hoàng do họa-sĩ Bình trình bày

Bà Chúa rừng mai trắng

Truyện Giải Trí của Việt-Tinh Giá 1$30

Nhà xuất-bản **SÁNG**

46 Quai Clémenceau, Hanoi

Tùy hứng

Tức sự

I

Đá ngủ, đồng (1) im, viện vắng teo !
Một ngòi sáp đỏ đốt cô-liêu.
Cùng sư ôn chuyện ba năm biệt,
Biệt it, dâng dâng trạnh cảm nhiều...

II

Lá muỗm vi-vu, lá chuối đùa...
Bên chòm núi lạnh, một đêm chùa.
Sương chườm gối khách không thành mộng,
Mõ sớm sơn-tăng mấy tiếng khua...

III

Hồi chuông triêu tụng giục tan cảnh.
Sương trắng căng màn bủa núi xanh.
Chú tiểu pha chè hương quện khói.
Gió đâu phẩy lạnh lọt qua mành !

IV

Mơ-màng trên cỏ, vết in sương.
Tìm dấu người xưa, đuổi mộng vàng !
Dưới mái triêu-huy, am lạnh, vắng,
Mải xem bia cổ dựng bên đường.

Sài-sơn 24-25 Novembre 1943

SONG-CỐI

1) *Đồng* đây chỉ về *chuông, khánh*, theo nghĩa chữ « kim thanh » xưa.

***

Dừng bước phong trần

Tặng Trần Huyền Trân

Hiên ngang chi gửi phương trời,
Áo quần trắng xoá bụi đời từ bao?
Ưu-tư má đắp gò cao,
Mắt ngời chính khí, trăng sao cõi lòng.

Ngàn mây chưa mỏi cánh hồng,
Vai còn lệch với non sông nợ nần.
Người xa hơi tiếng vẫn gần,
Gặp nhau dừng bước phong trần tạm vui.

Say sưa không cứ ngọt bùi,
Tiệc đời lưỡi đã quen mùi đắng cay.
Thơ cho êm dọng chiều nay,
Rượu cho quên lạnh những ngày đã qua.

Ý vui men lại sẵn đà,
Cảm thông tâm óc, thơ hoà nhịp tim.
Sóng gầm bể hận chưa im,
Biết bao thơ rượu cho êm bất bình ?

Uống đi, uống nữa đi mình,
Uống đi, mặc quách thế tình ngửa nghiêng.
Uống cho tình đượm hơi men,
Gió lùa bến dị, trăng lên cõi đồng.

Chén này là chén tương phùng,
Chén này là chén hẹn cùng nước non...
Chén này là chén lòng son,
Chén này là chén ta còn nhớ ta.....

Mai đây kẻ ở lại nhà,
Bút cùn chống với trời già thi gan.
Mình đi tìm thú gian-nan,
Màn trời, chiếu đất, giang san gối giường.

Lửa lòng ngùn ngụt đau thương,
Châm hương hy vọng, mở đường tương lai.
Gió sương quên cả hình hài,
Đá vàng chỉ tiếc cuộc đời nổi nênh !

Sông hồ mong toại chí mình,
Tìm cho thấy cái bất bình đập tan !
Vị đời tẩy hết tân toan,
Đường tơ bặt tiếng oán than thế tình.

Ngâm đi, uống nữa đi mình,
Hễ chưa rốc túi, cạn bình chưa thôi.
Bao nhiêu thơ bấy nhiêu cười,
Bao nhiêu rượu bấy nhiêu vơi hận lòng.

CHU THƯỢNG

VŨ NHƯ-TÔ

Thân này, tiện-nhân đã cầm chắc là không được toàn. Nhưng trước khi chết, tiện-nhân cũng cố hết sức biện bạch mong Hoàng-thượng đừng coi rẻ anh em tiện-nhân, ngõ hầu những con em theo gót sau này được mở mày mở mặt. Những ân-huệ ấy, tiện-nhân không xin cho mình — tiện-nhân xin chịu chết — mà xin cho lũ hậu tiến. Được biệt đãi, có địa vị, thì những kẻ tài hoa mới xuất hiện, tranh nhau tô điểm nước non. Vườn đẹp giống Hồng mới không đến nỗi xác xơ hiu quạnh.

LÊ TƯƠNG-DỰC

Đó là công việc của trẫm và các đại thần. Ngươi là một tên thợ, không biết gì. Hãy nghe trẫm hỏi chuyện Cửu-trùng đài. Một nam nay không xây được, trẫm lấy làm phiền lắm. Đài phải có trăm nóc, cao mười trượng, dài năm trăm trượng. Ngươi có đủ tài xây được không ?

VŨ NHƯ-TÔ

Tiện-nhân không thấy tài khó ở đâu cả. Tiện-nhân tự xét, thực thừa sức xây Cửu-trùng đài.

LÊ TƯƠNG-DỰC

Ngươi định xây ra làm sao ?

VŨ NHƯ-TÔ

Điều thỉnh cầu, xin Hoàng thượng trả nhời cho đã.

LÊ TƯƠNG-DỰC

Ngươi định bắt ép ta sao ? Đầu ngươi chỉ một lệnh truyền là không còn trên cổ.

VŨ NHƯ-TÔ

Tiện-nhân đã coi rẻ đầu này. Nó rơi lúc nào xong một kiếp lúc ấy. Tiện-nhân nhắc đi nhắc lại nhiều lần như thế, Hoàng-thượng đã quên rồi sao ? Chỉ vì tiền-đồ Đại-Việt mà tiện-nhân xin Hoàng-thượng trọng đãi bọn thợ tài hoa. Hoàng-thượng không được khinh rẻ họ, không được ức hiếp họ (mắt sáng lên, nét mặt quả quyết). Được thế thì tiện-nhân mới chịu làm, mà xin Hoàng-thượng biết cho, đài Cửu-trùng, phi Vũ-như-Tô này không ai làm nổi.

LÊ TƯƠNG-DỰC (lòng tự tin của Vũ làm cho vua kinh ngạc) Sợ ngươi chỉ là một kẻ đại-ngôn.

VŨ-NHƯ-TÔ

Tiện-nhân dám nói thế, không phải là đại-ngôn, nhưng vì tiện-nhân tự biết thân phận. Trong hai mươi năm trời, tiện nhân khổ công trau nghề, nào hỏi, nào tập, nào khảo-cứu, học cả văn-chương toán-pháp, địa-lý, thiên-văn, nghe tiếng ai giỏi là tìm đến thụ-giáo, các đền đài, dinh thự trong nước dù xa dù gần đều có đi xem, cả những danh-lam thắng tích ở

Un ouvrage à recommander :

CENT REDACTIONS CORRIGÉES

au Certificat d'études primaires

par Trần-Huy-Cơ et Nguyễn-Huy-Hoàng, Instituteurs

(adopté par la commission des manuels scolaires)

Prix 1$50 — Port 0$12

Editions Đông-Tây, 195, rue du Colon — Hanoi

Kịch lịch-sử

Vũ như Tô

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Trung-quốc, ở Chiêm-thành, ở Tây-chúc cũng không quản đường trường, lần đến khảo-xát. Cũng vì thế mà ngay nay bốn mươi tuổi đầu, tiện-nhân mới có ít nhiều sở đắc. Nói ra thì Hoàng-thượng nửa tin nửa ngờ... Trong suốt một năm đi trốn, tuy bị truy nã, khổ nhục trăm đường, tiện-nhân cũng đã vẽ phác bản đồ Cửu-trùng đài, tính toán đâu đấy và đã ghi hết cả trong một cuốn sổ dầy.

LÊ-TƯƠNG-DỰC (mừng rỡ) Đâu cho trẫm xem.

VŨ-NHƯ-TÔ

Trong túi áo tiện nhân đây. Nhưng xin Hoàng-thượng...

LÊ TƯƠNG-DỰC

Đưa trẫm xem đã.

VŨ-NHƯ-TÔ

Xin Hoàng-thượng trả nhời tiện-nhân đã.

LÊ TƯƠNG-DỰC

Ngươi tưởng ta không lấy được của ngươi sao ? (đến lần túi Vũ-như-Tô, rút ra bản đồ to và một quyển sổ dầy).

VŨ-NHƯ-TÔ khinh bỉ

Hoàng-thượng không được vô lễ ?

LÊ TƯƠNG DỰC

(đặt bản đồ lên long kỷ, mặt mỗi lúc một tươi, một lúc lâu) ! Thực vừa ý trẫm. Nhiều chỗ trẫm không nghĩ tới ! Cửu-trùng-đài ! Trẫm có ý xây đài trên bờ Tây-hồ. Đây là gác Đồ-thư ; đây là lầu Vọng-nguyệt, đây là đền Tiếp-sứ. Đứng trên đài cao ngất này mà ngoạn cảnh hồ, bao quát Long-thành, thực là thỏa một kiếp người (đếm). Phải, đúng trăm nóc, uyển-nhiên là hình trăm rồng tranh ngọc. Thực là tráng quan ! Nhưng đâu là Mỹ-lệ cung cho bầy cung-nữ. Dễ ngươi không tính đến.

VŨ-NHƯ-TÔ

Tiện-nhân không tính đến.

LÊ TƯƠNG-DỰC

Vậy thì ngươi thêm vào.

VŨ-NHƯ-TÔ

Không thêm bớt gì cả. Đài-cửu-trùng không xây cho những vua hoang-dâm vô-độ.

LÊ TƯƠNG-DỰC

À, ngươi giỏi thực ! Lần này trẫm không tha ngươi nữa, trẫm cũng không cần ngươi nữa. (xem quyển sổ). Đủ rồi. Đủ rồi. Trẫm gọi thợ khác cứ theo đây mà xây, sửa chút ít là có cung Mỹ-lệ. Còn ngươi, ngươi chờ quân đao phủ dẫn đi.

VŨ-NHƯ-TÔ

Đó là quyền Hoàng-thượng. Nhưng...xây đài Cửu-trùng không dễ thế đâu. Nếu chỉ xem sách mà làm được thì chán nhà nho đã thành Khổng-Tử chán vị tướng đã thành Tôn, Ngô ; chán thi-nhân đã thành Lý, Đỗ ; chán thầy lang đã thành Biển-Thước, Hoa-Đà. Cần phải có mắt có tai, có tâm huyết, có tay mình vào đó. Hoàng-thượng cứ giữ lấy bản-đồ, cầm lấy cuốn sổ, đi tìm thợ giỏi, tiện-nhân không giám nói sao, nhưng tiện nhân tin rằng không một kẻ nào làm nổi. Bản-đồ kia chỉ là phần xác, nhưng phần hồn thì chỉ ở lòng tiện-nhân, mà phần hồn mới là phần chính.

LÊ TƯƠNG-DỰC (dịu giọng nhìn bản đồ say-sưa) Ngươi định không giúp trẫm sao ?

VŨ-NHƯ-TÔ

Tiện-nhân dám đâu tiếc sức ? Cũng mong giúp Hoàng thượng, xây cho nước Đại-Việt ta một tòa lâu-đài nguy nga tráng lệ, cùng với vũ-trụ trường tồn. Chỉ xin Hoàng-thượng hai điều : thứ nhất, đài phải xây theo đúng kiểu bản đồ này, không thay đổi một ly nào. Thứ hai : Hoàng-thượng và Triều đình phải trọng đãi công ngang sĩ. Sách Trung dung có dạy : « Lai bách công giả ». Hoàng-thượng chắc còn nhớ đấy. Nước phú dân cường là nhờ ở đó. Hai điều đó không được, tiện nhân đành phí thân này.

LÊ TƯƠNG-DỰC trầm ngâm Sao ngươi cứ băn khoăn ?...

VŨ-NHƯ-TÔ

Không băn khoăn sao được ? Khi anh em tiện-nhân, chỉ vì có chút tài năng, mà phải cực-nhục như quân có tội, thì kẻ này không thể nào ăn ngon ngủ yên được. Chính tiện-nhân đây, cổ đeo gông, tay mang xiềng xích, nhục quá trâu ngựa, Hoàng-thượng xử-đãi như thế mà không biết ngượng sao ?

LÊ TƯƠNG-DỰC

Được, hai điều ngươi xin, trẫm cho cả. Trẫm chịu ngươi vậy. Nhưng ngươi phải đem hết sức ra xây Cửu-trùng đài cho trẫm.

VŨ-NHƯ-TÔ

Được, Hoàng-thượng cho hai điều ấy, tiện-nhân dám đâu không hết sức ? Huống chi xây Cửu-trùng-đài, vì Hoàng thượng thì ít, mà vì tiện-nhân thì nhiều. Đã làm xin cúc cung tận-tụy. Hoàng-thượng tuyển cho một vạn thợ và phải giao cho tiện-nhân toàn-quyền sai khiến.

LÊ TƯƠNG-DỰC

Một vạn thợ. Và trẫm sẽ phong quan chức cho ngươi.

VŨ-NHƯ TÔ

Tiện nhân không màng quan chức. Chỉ xin Hoàng-thượng cho tiện-nhân được toàn quyền làm việc, kẻ nào trái lệnh chém bêu đầu. Có thể thì đài mới xây xong được.

LÊ TƯƠNG-DỰC

Bao giờ xong ?

VŨ-NHƯ-TÔ

Độ hai năm. Hoàng-thượng liệu có thể theo cho đến buổi hoàn thành không ?

(Còn nữa)

NGUYỄN HUY-TƯỞNG

Phòng thuốc

CHỮA PHỔI

chuyên môn về bệnh Phổi
15 hàng Bè (Radeau)
Hanoi — Tél. 1630

Giờ mở cửa :
Sáng từ 8 đến 12 giờ
Chiều từ 2 rưỡi đến 7 giờ
Chủ nhật nghỉ buổi chiều

Đặc biệt : *Thứ ba, thứ sáu xem mạch, cho đơn không lấy tiền.*

Ở xa mua thuốc gửi lĩnh hóa giao ngân. Và muốn hỏi bệnh gì, đính theo tem 0$06, sẽ được trả lời ngay.

Vua Lê Thánh-Tông

(*Tiếp theo trang 7*)

Tháng hai năm Quang-thuận thứ tám (1467), ở Quốc oai và Tam-đới (Sơn-tây) có bệnh dịch, vua Thánh-tông sai quan lưu-thủ là Lê-Niệm phát 50 quan tiền ở công-khố, giao Tế-sinh-đường mua thuốc, sai người đi chữa, và dụ về sau nếu dân phủ nào có bệnh, cho quan lấy tiền kho mua thuốc để chữa (*Toàn-thư*, quyển 12, tờ 28 a b).

Đến luật-lệ thì ngài chú-trọng về việc hình, như việc ban chiếu các nha-môn phải làm việc kiện-tụng cho xong: tiểu tụng hạn năm ngày, đại-tụng hạn mười ngày, không được để yêm-trệ (*K. đ.*, quyển 24, tờ 6 a). Kén những người nhân-từ minh-doãn và văn-học tài-thức bổ chức hình ti (*K. đ.*, quyển 21, tờ 9 a, và quyển 23, tờ 26 b). Ban dụ-chỉ cho quan lại quân dân: phàm người chủ-tự không cứ tuổi nhiều ít hay quan-tước, phải do con đích trước; nếu con đích mất, thì đến cháu trưởng; bao giờ không có cháu trưởng, mới đến con thứ (*K. đ.*, quyển 24, tờ 2). Trong tập *Thiên-Nam dư-hạ*, có hai quyển nói về điều-lệ, đủ cả hình-luật hộ-luật, như lệ bầu xã-trưởng, thì nên chọn những người thuộc-lại đã về hưu, hoặc giám-sinh, sinh-đồ, mà nhiều tuổi thạo-thà, và những con em nhà lương-gia, tuổi từ 30 dở lên không cứ người linh hay người chức sắc, hễ biết chữ và hạnh-kiểm tốt, thì bầu làm xã-trưởng, để tiện các việc đòi hỏi, thưa kiện, thuế má (luật năm Quang-thuận thứ ba, tức năm 1461). Ngài có cho sửa lại bộ *Lê-triều hình-luật* (bản dịch chữ Chữ pháp đề là R. Deloustal, *La Justice dans l'ancien Annam*), xem nhiều điều hơi giống những điều trong tập *Thiên-Nam dư-hạ*, mà nay dân ta vẫn còn đang theo, tuy rằng từ ngày có bộ luật Gia-long là bộ *Hoàng-Việt luật-lệ*, nhiều nơi cũng đã thay đổi ít nhiều; nhưng bộ luật Gia-long phần nhiều là chép y như luật nhà Thanh, còn như bộ luật của vua Lê Thánh-tông thì phần nhiều theo phong-tục của dân-gian và luật nhà Đường; thí-dụ như luật hưởng gia-tài, thì luật nhà Lê cho con giai con gái được hưởng ngang nhau, chỉ người trưởng-nam được hơn một phần trong 20 phần (*Lê-triều hình-luật*, điều 385); luật Gia-long không có điều ấy.

Trước kia những văn-khế chưa có thể-thức nhất-định, đến năm Quang-thuận thứ chín (1468) vua Thánh-tông sai bộ Lễ làm cái mẫu-thức văn-khế ban cho dân theo (*K. đ.*, quyển 21, tờ 11 b).

Đến việc mở mang bờ cõi, thì ngài thật là một ông vua anh-hùng triều Lê, võ-công hiển-hách. Năm 1470, người Chiêm-thành vào cướp Hỏa-châu (huyện Phúc-lộc và Phú-vang thuộc tỉnh Thừa-thiên huyện Diên-phước và Hoà-vang thuộc tỉnh Quảng-nam bây giờ), ngài sai tuyển lính từ 15 tuổi dở lên được « 26 vạn quân » (?), ngài tự làm tướng, thân chinh đi đánh (*K. đ.*, quyển 21, tờ 37 b và quyển 21, tờ 39 a). Năm 1471, ngài vây được thành Đồ bàn (tức Chà-bàn, Vijaya) bắt được vua Chiêm-thành là Trà-toàn, rồi đem quân về (*K. đ.*, quyển 22, tờ 1 a). Nguyên nước ta khi bấy giờ phía nam mới đến châu Thuận-hóa là giáp-giới Chiêm-thành (tức là vào khoảng Quảng-nam Thừa-thiên). Đến năm 1471 vua Lê Thánh-tông lấy thêm được đất Chiêm-thành vào đến Phú-yên Khánh-hòa, chia nước Chiêm-thành ra làm ba phần, phong vương cho; nước Chiêm bấy giờ chỉ còn hai phần năm (*K. đ.*, quyển 22, tờ 3 b). Lại đánh Lão-qua, dẹp Bốn-man, tức Trấn-ninh (*K. đ.*, quyển 23, tờ 30 b). Rồi sai thừa-tuyên-sứ 13 đạo khám xét núi sông chỗ nào hiểm, chỗ nào dễ và sự-tích xưa nay, vẽ thành bản đồ, chú cước rõ-ràng, đưa về bộ hộ để làm địa-đồ các nước (*Toàn-thư*, quyển 12, tờ 37 a; Trường Bác-cổ có mua được một bản cũ đề là *Đại-Nam bản-đồ*, số A 1603).

Ấy đại-khái cái công-nghiệp của vua Lê Thánh-tông như thế. Trên kia tôi có nói rằng giá chép theo Pháp-văn, thì có thể gọi là « thế-kỷ Lê Thánh-tông », tưởng cũng không phải là ngoa.

Gần đây ông Chu-thiên có viết một quyển sách để là *Lê Thánh-tông* (*1442-1497*), đăng trong *Văn mới*, được 247 trang 11×18, xem ra có giá-trị lắm, vì ông dùng được nhiều tài-liệu bằng chữ nho mà xưa nay chưa ai dịch ra quốc-ngữ, lối văn của ông lại rõ ràng tự-nhiên. Song cũng có một đôi chữ nhầm, hoặc có chỗ vì quyển sách nho ông dùng thiếu nghĩa. Vậy tôi bổ-chính dưới này để đến lần tái-bản ông chữa lại cho tiện. (Bài dài quá, không có chỗ đang hết nên tôi chỉ bổ chính độ 30 trang trên mà thôi).

Ngay ở bài tựa có câu: « Lấy năm mà kể, triều-đại vua Lê Thánh-Tông cũng dự được vào bậc dài nhất trên lịch-sử nước

nhà ». Ông nói như thế có lẽ không rõ, mà lại nhầm nữa, vì riêng đời Lê có vua Hiển-tông (Cảnh-hưng, 1740-1786) làm vua 47 năm, thọ 71 tuổi.

Trang 17, « huyện Gia-định nay là Gia-lộc » không đúng : *Khâm-định Việt-sử* (quyển 3, tờ 34 a, và quyển 17, tờ 23 a) chua « Gia-định, tên huyện, nay Gia-bình, Bắc-ninh ».

Trang 18, có câu này không hợp với phép làm sử : « Có lẽ lúc ấy, bà Tuyên-từ Hoàng thái-hậu đã nắm được cả quyền-chính trong tay rồi, không sợ ai tranh cướp nữa...» Tác-giả ức-đoán như thế, chứ sử chép từ năm qui-hợi 1443 Thái-hậu thinh-chính đến năm qui-dậu 1453 vua Nhân-tông thân chính, không có điều gì đáng chê (3).

ĐÃ CÓ BÁN :

BƯỚC ĐƯỜNG MỚI

Truyện dài tâm-lý
của Dương-Ngà giá 3$00

Người ta thường chê người Việt-nam sống không có mục-đích, không có lý-tưởng, cho nên đời sống nhạt-nhẽo, và buồn-tẻ. — Sau khi đọc cuốn **Bước đường mới** của ông **Dương-Ngà**, các bạn sẽ tìm thấy ý-nghĩa của cuộc sống, sẽ biết sống vui, và thấy đời đẹp đẽ vô cùng. — Các bạn sẽ biết hy-sinh cho đồng loại, cho nghĩa-vụ, cho lý-tưởng.

PHIÊU-LƯU

Tức Hoa-Mai số 34
của Nam-Cao giá 0$20

Giấc mơ Phò-mã

Tức Hoa-Mai số 35
của Vị-Hồ giá 0$20

Nhà xuất-bản Cộng-Lực
N° 9 Rue Takou — Hanoi

Vả lại, xem lời bàn của sử-thần Phan-phu-Tiên có đoạn nói rằng : « Vua Nhân-tông tuổi bé nối ngôi, trong có mẫu-hậu buông mành nghe việc nước, ngoài có đại-thần cùng lòng giúp chính-sự, cho nên mười-bảy năm giời, thiên-hạ thái-bình, an cư lạc nghiệp, đáng khen là ông vua nhân-từ » (*Toàn-thư*, quyển 11, tờ 96 a-b).

Trang 27, có câu « Vua thường ham mê nữ sắc ». Nguyên chữ nho chép trong *Việt-sử tổng-vịnh* (quyển 2, tờ 17 a) là « nữ yết thái thịnh », nghĩa là con gái hầu quá nhiều. Theo chế-độ ngày xưa, thì ông vua nào cũng tam cung, lục phi, cửu tần ; qui-nhân tài-nhân kể có hàng trăm ; dầu không ham mê nữ sắc cũng thế Còn như vua Lê Thánh-tông thì trong bia Chiêu lăng ở Lam-sơn đã chép ngài là người « xa thanh sắc » ; nếu chỗ này mà chép là « ham mê nữ sắc » thì trái với bài văn bia dịch ở trang 34.

Trang 30, ông Chu-thiên dịch bài bia Chiêu-lăng theo quyển *Hoàng-Việt văn-tuyển*, cho nên nhiều chữ nhầm và thiếu : giá ông đem so-sánh với bản chụp ảnh của Trường Bác-cổ in trong quyển Emile Gaspardone, *Les stèles royales de Lam-sơn*, thì không đến nỗi nhầm và thiếu như thế ; thí-dụ dưới chữ « Hoàng-đế nước Đại-Việt ta », mất đoạn « là thiên-tự thượng-thánh, dựng cơ-nghiệp trung-hưng, há chẳng phải có ý giời ở đó ư ? Ngài họ Lê », rồi mới đến câu « hủy Tư-Thành » (trang 30, dòng thứ ba, kể từ dưới lên) ; — dưới chữ ngày, trên chữ mậu-tý, mất chữ hai-mươi (trang 31, dòng 4) ; — dưới chữ « Thái-tông Hoàng-đế », mất câu « đi tuần phương đông », rồi mới đến câu « lên tiên ở ngoài » (trang 31, dòng 13) v. v.

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

(3) Bà Tuyên từ hoàng-thái-hậu tên là Nguyễn thị-Anh, làm thân phi đời Lê Thái-tông (1433 1442), sinh ra Nhân-tông (trị vì năm 1442-1459) Trong khi thái-hậu thinh chính, có ý-chỉ dạ các đại-thần rằng : « Quả nhân từ ngày thinh chính đến đây, thấy lòng trung ái của các quan, tả hữu giúp nước, trong sửa đức chính, ngoài dẹp mọi rợ, để yên thiên hạ, quả-nhân ngày đêm vẫn nghĩ để đền công các quan, nhưng tự biết ít đức, thẹn không được bằng các bà tuyên-nhân đời xưa, cho trọn đạo ưu lễ đại-thần, nay sắp sai triều sĩ hội-nghị thời-nghi, để làm cái lệnh-điều một đời cho khỏi sinh tệ, các quan nên thể tất ý ấy, để trọn đạo làm tôi, vẹn tiết chung thủy, chớ để cho các ông Cao, Quý Tắc, Tiết, Y, Phó, Chu, Triệu được tiếng một mình về đời xưa, há chẳng tốt lắm ru ! » (Đại-Việt sử ký toàn-thư, quyển 11, tờ 83 b-84 a).

Tất cả các gia-đình nên có một cuốn :

QUAN THÁM KÉO VỐ

của *Tiên-Đàm* Giá 0$35 có bán ở các hiệu sách để con em biết rõ một tấm gương sáng của tiền-nhân đã vui lòng hi-sinh thân-thế cho nhà, cho nước.

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Phap

1p·00 một vé

NAM-ĐÀN BÁT CHÂU THI-THẢO

Tác-giả : TÙNG-VÂN *đạo-nhân*

XXXIX

Phú đắc « Cỏ non xanh tiện chân trời, cành lê trắng điểm một vài bông hoa ».

(Phê Kiều 4)

Yến đưa thoi, Thanh minh vừa tiết ;
Cỏ rờn-rờn, hoa điểm-điểm, nét thêm ưa.
Nghìn dặm biếc một chùm thưa,
Sắc mê tơ nhuộm, hương ngờ tuyết bay.
Bức họa, thợ trời tay điểm xuyết ;
Tình thơ, ý khách bút câu-lưu.
Giai-nhân tài tử nào đâu ?
Chơi xuân kẻo nữa nhạt màu thiều-quang.

CHÚ-THÍCH

Xanh tiện chân trời : Cũng như xanh tiếp chân trời, e không phải là « xanh rợn ».

Cành lê trắng điểm : « Lê trắng » coi lên với « cỏ xanh », thành một bức họa thiên-nhiên, e không phải là « trang-điểm ».

Sắc mê tơ nhuộm : Đường thi : « Yên thảo như bích-ty ».

Hương ngờ tuyết bay : Đường-thi : « Lê hoa bạch-tuyết hương ».

Điểm-xuyết, câu-lưu : Thơ « Lương-hà bạch-độ » của cụ Vũ Thám hoa : « Họa bản thiên-nhiên qui điểm-xuyết, Thi-tình thái-bán vị câu-lưu ». « Câu-lưu » nghĩa là lưu luyến chẳng dứt.

XL

Vịnh Đạm-Tiên

(Phê Kiều 5)

Khách Đào-nguyên, xưa kia lạc lối
Xuống nhân-gian, xốc-nổi nửa chừng xuân :
Tuyết sương in mặt, pha thân,
Phong-lưu cách-điệu, thanh-tân vẻ người.
Lạ gì thói làng chơi xe ngựa,
Tình cho ai giấc-mộng phồn-hoa.
Thuyền tình ẻo khách phương xa,
Đạm-Tiên nào phải là ma không chồng.

XLI

Túi gió trăng thơ

(Phê Kiều 6)

Kho vũ trụ ai dệt thêu nên túi ?
Gió với trăng là túi kẻ nhàn.
Chen cùng bầu rượu cung đàn,
Xuân thu thắt mở, giang san vơi đầy.
Miệng tú khẩu mặc tháng ngày phun nhả,
Ngăn cầm tâm, tùy bộc mã đề huề.
Túi ai mang chữ tình kia ?
Khi đi phong nguyệt, khi về liễu hoa.

CHÚ-THÍCH

Túi gió trăng : Tức túi thơ.

Xuân thu : Đường thi : « Thu nguyệt xuân phong đẳng nhàn độ. »

Giang san : Xích-bích phú : « Giang thượng thanh-phong, sơn gian minh nguyệt. »

Tùy bộc mã : « Bộc » tức là bộ : « sau lưng theo một vài thằng con con. » Mã tức là bộ : « tuyết in sắc ngựa câu giòn. » « Tùy » nghĩa là người với túi không rời nhau ; cũng như nghĩa : « Cầm hạc tùy sất mã. »

Liễu hoa : Tống-thi : « Bạng hoa tùy liễu quá tiền xuyên. » Liễu hoa vốn là chữ tài-liệu du-xuân của khách cao nhã, khác với thế-tục đã lạm dụng. Tuy nhiên, chữ « liễu hoa » này cũng có ý ám-chỉ về hai nàng Kiều.

XLII

Phú đắc **« Một mình lặng ngắm Tố-nga »**

(Phê Kiều 7)

Vằng-vặc dòm song, gương Nga chiều dạ tỉnh
Cảnh ghẹo người, người đối cảnh, khéo xui nên.
Người độc-tọa, cảnh vô-biên,
Hồn mê ngọc-vũ phách in băng hồ.
Duyên gặp-gỡ, đắn-đo cùng thỏ-khách,
Đời phồn-hoa than-thở với Thiềm-nương.
Trông ra ngấn nước bóng vàng ;
Lấy câu tuyệt-diệu làm phương ngụ-tình.

CHÚ-THICH

Tố-nga : Tức Tố-nguyệt. Cố-sự : « Hằng-nga bôn nguyệt. »

Cảnh vô-biên : Quang-cảnh rộng-rãi bát-ngát không giới-hạn. Sách Tinh-lý : « Phong-nguyệt vô-biên. »

Ngọc-vũ, băng hồ : Đều nói cảnh Tố-nga. « Vũ » nghĩa là cõi :

Thỏ-khách, Thiềm-nương : Ngọc-thỏ thiềm-thừ đều là danh-từ riêng của Tố-nguyệt.

(Còn nữa) TÙNG-VÂN *đạo-nhân*

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(*Tiếp theo trang 9*)

ký, quyển 5, tờ 3 b, và *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 4, tờ 17 a-b).

Đến năm kỷ-tỵ 549, Triệu-quang-Phục xưng Việt-vương. Quang-Phục là con Triệu-Túc, người huyện Chu-diên, là người có uy-dũng, theo vua Lý-Bôn đi đánh dẹp, có công được phong chức tả-tướng-quân. Vua Lý-Bôn mất (năm 548), bèn xưng vương, đóng đồn ở Dạ-trạch. Trần-bá-Tiên cho là hiểm-trở, muốn dùng kế chống giữ lâu ngày để cho lương tuyệt quân mỏi, thì mới có thể phá được; nhưng bấy giờ nhà Lương có loạn Hầu-Cảnh, phải vời Bá-Tiên về. Khi Bá-Tiên về, cho tỳ-tướng là Dương-Sàn ở lại đánh nhau với vua Triệu-Việt, thì Triệu-Việt thả quân ra đánh một trận. Dương-Sàn thua rồi chết: quân nhà Lương vỡ chạy về Tàu, vua Triệu-Việt bèn vào ở thành Long-biên (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 4, tờ 8 b-9 a).

Năm đinh-sửu 557, Lý Phật-tử là tộc-tưởng của Lý-Bôn, đem quân đánh nhau với Triệu Việt-vương ở huyện Thái-bình, năm lần đánh nhau mà không quyết được thua, nhưng mà quân của Lý Phật-tử hơi lùi, ngờ Triệu Việt-vương có thuật gì lạ, mới xin thề để cầu hòa. Triệu Việt-vương nghĩ là người họ của vua Tiền-Lý Nam-đế, không nỡ tuyệt, mới cắt địa giới ở châu Quân-thần (nay là làng Thượng-Cát Hạ-Cát ở huyện Từ-liêm): Triệu Việt-vương ở phía tây nước Nam, Lý Phật-tử thiên đô đến thành Ô-diên (nay là xã Hạ-mỗ, huyện Từ-liêm, làng ấy có đền thờ Bát-lang, tức là đền thờ Nhã-lang, con Lý Phật-tử). . .

Năm tân-mão (571), Lý Phật-tử trái lời thề, đem quân đến đánh Triệu Việt-vương... Triệu Việt-vương thua rồi chết ở cửa bể Liêu, thuộc xã Quần-liêu, huyện Đại-an (*Đại-Việt sử-ký*, quyển 5, tờ 9 a-b ; *Toàn-thư*, quyển 4, tờ 21 a ; *Khâm-định Việt-sử*, quyển 4, tờ 12 a-b).

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

Hội các cựu sinh-viên trường « Thầy dòng » ở Bắc-kỳ

Cùng các bạn hội viên:

Năm nay hội ta họp đại hội đồng thường niên vào hồi 9 giờ sáng ngày 19 Décembre 1943 tại hội quán số 121 phố Julien Blanc, Hanoi.

Chương trình nhị sự có:

1· bài diễn văn của bạn hội trưởng
2· tờ trình của bạn thủ quỹ
3· tờ trình của các bạn kiểm soát tài chính
4· việc sửa đổi điều lệ
5· bầu ban trị sự mới
6· các việc linh tinh.

Sau buổi họp sẽ có một bữa tiệc thân ái ở hội quán. Bạn nào muốn dự **xin đóng năm đồng trước ngày 15-12-1943.**

Chúng tôi mong rằng hết thảy các bạn cựu sinh viên Pháp, Nam ở các trường Thầy dòng ở khắp Bắc kỳ nên về họp mặt để trao đổi ý kiến và kết chặt giây thân ái giữa các anh em hội viên.

Nay kính mời

Ban trị sự 1943

HÀN-THUYÊN
71, Tiên-Tsin — Hanoi

Giám Đốc
NGUYỄN XUÂN TÁI

Sắp xuất bản

NGUYỄN CÔNG-TRỨ

khảo cứu của NGUYỄN BACH KHOA
tác giả NGUYỄN DU và TRUYỆN KIỀU

Tìm dò đến cỗi rễ xã hội của tất cả tâm lý, hành vi văn chương, sự nghiệp của Nguyễn công Trứ, một tay kiệt hiệt tài kiêm văn võ có nhưng lời thơ vô cùng khẳng khái, ngang tàng

NGUYỄN CÔNG TRỨ và CHÍ NAM NHI
NGUYỄN CÔNG TRỨ và ĐẢNG CẬP-SĨ PHIỆT
NGUYỄN CÔNG TRỨ và CHỮ NHÂN

Hộp thư

— Ô. Huy Anh, Khâm Thiên — Xin ông cố gắng, thơ lưu loát — Vì lẽ riêng không đăng được, xin lỗi.

— Ô. Đoàn cảnh Vu, Hoàng Mai Bắc Giang — Mandat nhận được rồi, bài chưa — Xin cứ gửi.

— Ô Thiên Trà Quảng Ngãi. Đã nhận 2 bài Ca-dao — Xin lỗi vì bận và bài sẽ xem sau — Cảm ơn.

T. T.

— Ô.Ô. Vân Hòa Huế và N Khánh Đàm Saigon — Đến 20 12-1943 xin làm ơn cho biết tin tức về Quan Thám và gửi mandat sách đã bán — Sách còn, xin cứ giữ lại. Đa tạ

Ty xuất bản T. T.

Công chúa An-Thường

(*Tiếp theo trang 7*)

Đến năm Tự-đức thứ 15 (1862), chồng đau nặng, bà hết sức chăm-nom, đem cả tiền-bạc của mình mời lương-y, phần thì an-ủi bà gia, phần thì tự lo miếng ăn, thuốc thang cho chồng. Khi chồng mất để tang ba năm và làm nhà ở bên mộ.

Đến năm Tự-đức, 31 (1878), nhân tuổi đã cao, bà được vua giao cho việc kiểm-sức các công-chúa.

Khi xảy ra việc thất-thủ Kinh-đô, chính là lúc bà ở tại cung, hầu ky ở điện Hiếu-tư. Đến canh ba đêm 22 tháng 5, nghe có biến, ai nấy đều sửng-sốt. Bà khóc nói :

« Ta biết có ngày nay đã lâu rồi ! Thường lòng vẫn nguyện nếu có chuyện gì thì xin cùng nát với cây cỏ ở Hiếu-lăng (lăng Minh-mạng) là may-mắn lắm. Nay Hiếu-ân điện cũng đồng một chữ Hiếu, ấy là ta được chỗ chết rồi vậy. »

Nói xong, cùng các công-chúa đến quỳ bên khám thờ khóc nức-nở. Bà An-Thường lại bảo :

« Bọn ta chết không đáng tiếc, nhưng xã-tắc thì sao? Ý chị ưng bói thử để định cát hung. »

Các công chúa đều cho là phải, bèn bói được câu thơ này :

Ngọc thỏ kim ô hải thượng phùng,
Vân tùng long tắc hồ phong tùng.
Hứa đa giai thú sầu trung đắc,
Vật hỷ ngô-đồng tiền diệp phong.

Đọc hai ba lượt, không hiểu nghĩa, nhưng cho câu ba có hàm ý rằng trong điều hung có điều cát. Ngồi một chốc lại khóc lại lạy.

Bỗng những người phụng-trực đến hô rằng :

« Tam Cung đến canh năm đã ra thành, ngự đi Quảng-trị. Bây giờ mặt trời gần xế. Bốn phía người Tây-dương cướp phá, các công-chúa không sớm chạy còn dám ngồi đây hay sao ? »

Các công-chúa sợ lắm, đến kéo bà An-Thường, bà bảo :

« Chị đã được nơi chết, chạy làm gì ? »

Các công-chúa hết sức khuyên-giải, bà cũng không nghe. Vừa khi ấy thì những công-nữ chạy đến khóc nói rằng :

« Quý chúa còn đây, chúng tôi không nỡ bỏ. Nếu ở đây chẳng những chết vô-ích, còn cha mẹ chồng con chúng tôi cũng không biết chết sống phiêu bạc nơi nào. Huống nếu chưa kịp chết, lại còn sợ bị cưỡng-bách hãm-hiếp, thì làm thế nào ? Khi ấy hối cũng đã chậm. »

Nghe câu ấy, bà An Thường mới kinh-ngộ liền chia cho các công-chúa mỗi người mỗi bản kinh Phật để ôm vào mình « làm kế hộ-thân », rồi cùng các tôn-nữ vừa khóc vừa chạy. Khi ấy là giờ Thân.

Ra cửa Tây-Bắc, đến An-hòa, trời vừa tối. Đường-xá khi-khu, không biết ngả nào mà đi. Ai nấy đều hết sức mỏi-mệt, ôm nhau khóc thảm thiết. Có người bàn nên theo quan-lộ ra thẳng Quảng-trị. Bà An-Thường bảo :

Ta đã già rồi, đi e không nổi. Huống bọn ta đều đàn bà, đi đường xa cũng ngại. Nhớ lại nhà của em Đa-Lộc (một công-chúa con vua Minh mạng) hiện ở An-ninh cũng gần. Nay nên đến đó tạm trú một đêm cho khỏi bộc-lộ, rồi mai sớm hoặc ra hành-tại (Quảng-trị) hoặc lên Hiếu-lăng đều được cả ».

Chủ-ý đã định, bèn dắt-díu nhau đi chầm-chậm. Ngó lại, thấy trong thành lửa cháy rực trời, đau-đớn không xiết kể. Ngồi ở nhà công-chúa Đa-Lộc một đêm, sáng lại bà cùng các công-chúa thuê đò lên Nguyệt-biều, thì vừa gặp cụ Phan-văn-Huy đi tìm mẹ đến đó (8). Vừa nghe báo Lạc quốc-công ở nhà Tôn-thất-Cừ nhất thiết đòi tự-tử, bà An-Thường mới sai con đến thăm và mời « đồng lên Hiếu-lăng để xem thời-sự, rồi muốn chết cũng không muộn ».

Đến Hiếu-lăng, thấy cửa bỏ ngỏ, quân canh-giữ đã bỏ chạy, vì hôm trước nhân-dân chung quanh thừa loạn vào cướp phá. Vào Sùng-ân điện, chẳng thấy bóng một người nào, chỉ có pha-lê, đồ-sành bề la-liệt giữa nền, ai nấy đều phải lấy khăn quấn chân mà đi (vì vào điện không được đi giày). Một mình công-chúa An-Thường phải lo sắp-đặt lại trong lăng. Ở đấy mãi đến năm Đồng-khánh nguyên niên (1886), bà mới về nhà riêng ở phố Chợ-Cống (Huế) bây-giờ (9).

Dạy học thuốc và chuyên chữa nội-khoa
theo thể-thức
ĐÔNG-PHƯƠNG
chỉ có :
Thượng-Đức
15 mission Hanoi — Tél. 1629
đã được tin-nhiệm hoàn toàn

Rồi từ đấy, vì trải qua cơn khủng-bố trên kia, bà cắt tóc, chuyên tâm thờ Phật, tụng kinh.

Đến năm Thành-thái thứ 3 (1891), nhơn Triều-đình lại cử-hành lễ tế Nam-giao, bà Tiệp-dư Nguyễn-nhược thị có làm bài thơ. Bà Trang-Ý Thuận Thiên Thái hoàng-hậu khen hay và sắc công-chúa hoạ vận. Bài của công-chúa cũng được bà Trang-Ý khen, như cụ Ứng-hoè đã viết.

Bài thơ nguyên-tác của bà Tiệp-dư như thế nầy:

« Kỷ tải liêu-liêu phong tục di,
Hà kỳ thịnh-điển phục vu ti!
Di cung Thiếu-đế khôi tiền liệt,
Hiệp tán lương-thần tục cựu quy.
Sạ đồ y quan phu chúng vọng,
Tài văn chung cổ khỉ nhân ti.
Cổ lai lễ-nhạc duy ban bổn,
Dục trị hoàn ưng dụng Hạ nghi ».

Như ai cũng biết, bà Tiệp-dư, tác-giả bài *Hạnh Thục ca*, đã trải qua những sự khổ-sở do việc Kinh-đô thất-thủ gây nên. Ước-vọng lớn nhất của bà và của các bà trong cung thời bấy giờ là mong lại thấy Triều-đình được yên-ổn. Thì bà đã phỉ lòng ước-ao. Sau mấy năm loạn-lạc, mà trong thời-gian ấy phong-tục thay đổi, thì ai ngờ đến bấy giờ lại tế Nam-giao *(Hà kỳ thịnh-điển phục vu ti)*. Vua Thành-thái còn nhỏ, cũng mở rộng được công-nghiệp các Tiên-Đế, và nhờ có tôi giỏi giúp-rập nên lại phục được quy-củ xưa. Bỗng thấy áo mũ, bà cho thế là hợp với chúng-vọng; và tiếng chuông trống làm cho người ta tư-tưởng. Rồi bà kết luận rằng: Từ xưa đến nay lễ nhạc là gốc của Nước, muốn thịnh-trị thì phải dùng nghi-lễ nhà Hạ.

Cùng chung một hoàn-cảnh, một mối cảm-xúc ấy, nên bà An-thường hoạ nguyên-vận bài thơ trên như thế nầy:

Âm tiêu, dương phục, quỹ từ đi,
Thất tải Giao-yên thịnh tại ti.
Hưởng Đế, Ngô Hoàng tuần cổ chế,
Phối Thiên, Liệt-Thánh hữu thành quy.
Phong đình phụ-bật tư lương-tá,
Tiêu dịch canh-dương hạ Duệ-Ty.
Hà hạnh vi-thần bồi mật nhĩ,
Mộ niên trùng kiến Hớn uy-nghi.

(Còn nữa)

Mãn khánh DƯƠNG KỲ

8) Cụ Phan-văn-Hay ở nhà thấy biến, sợ cho mẹ lắm, bèn nhờ thơ lại Nguyễn-hữu Quế đem vào thành, nếu tìm được mẹ thì xin đem tất cả nhà cửa đền ơn Quế. Cụ thân tự tả văn-khế ký và áp tư-triện vào giao cho Quế giữ để làm tin. Nhưng quân Pháp canh nghiêm quá, không thể nào vào thành được. Cụ liền đi lên Kim-long, định nhờ Giám-mục nhà thờ Kim long kêu xin cho được vào thành tìm mẹ. Đi nửa đường thì gặp Phò-mã họ Hồ, chồng bà Đa-Lộc, chỉ cho cụ biết chỗ ở của bà An-Thường.

9) Sở dĩ tôi theo Cai-dư kỷ-thực mà chép đoạn này hơi dài, là có ý ghi lại một tài-liệu về việc Kinh-đô thất thủ.

NHÀ GIỒNG RĂNG
Đỗ Ngọc-Giao
173 hàng Bông Lờ Hanoi
Mở lâu năm có tiếng là đứng đắn, và làm cẩn thận hơn hết — Công việc, làm nhanh chóng và có bảo đảm.

SÁCH MỚI

Bản-chí có nhận được mấy cuốn sách tặng dưới đây. Vậy xin cảm ơn các tác-giả, các nhà xuất bản và vui lòng giới thiệu cùng các bạn đọc quí mến:

1·) *Chuyện trẻ con* (Les Contes de Perrault) của Thư xã Alexandre de Rhodes xuất bản.

Quyển *Chuyện trẻ con* là cuốn sách thứ tám của Thư-xã. Trong sách gồm các chuyện mà Perrault tiên-sinh đã kể, ông Nguyễn-văn-Vĩnh với ngòi bút linh hoạt đã phiên dịch ra quốc ngữ ai ai đọc cũng thấy lý thú, nhất là các trẻ em thì lại càng thích lắm.

Cho ra tập truyện này, Thư xã đã giúp cho các tủ-sách gia-đình một cuốn sách rất có giá trị: Truyện thần tiên mà vui vẻ, không mê-tín nhưng đầy ý nghĩa luân lý sâu xa.

Sách in rất đẹp, do nhà Trung Bắc Tân Văn trình bầy, giá bán 2$50.

2·) *Siêu hình học (quyển thượng)* của *Nguyễn Đình Thi* Tân Việt xuất bản, sách dày 330 trang, giá 5$00.

Trước hết tác giả nói về *Những vấn đề cựu truyền của Siêu hình học*; rồi chia *Tri thức luận* ra làm hai chương: I) *Giá trị của tri thức*: 1·) Vấn đề chân lý; 2·) Thời kỳ thượng cổ và trung cổ: Độc đoán chủ nghĩa và hoài nghi chủ nghĩa; Thời kỳ cận đại: từ Bacon đến Kant. II) *Giá trị của tri thức* (tiếp theo): 4·) Những chủ nghĩa hiện đại; 5·) Kết luận.

Phương pháp để viết sách ấy, tác giả dựa vào nhiều học giả Pháp, nhất là ông Cresson.

Siêu hình học, tức hình nhi thượng học, là món rất khó trong triết học, thế mà tác giả vượt được nhiều nỗi khó khăn, trình bày được giản dị và lời văn rõ ràng; kể cũng công phu vậy

T T.

Trang thanh niên

TÍNH Ỷ-LẠI

của nữ thanh niên ngày nay

Bà LƯU VĂN LỢI

NGƯỜI thiếu nữ Việt-nam, hiền lành và nhu-mì, lúc nào cũng sẵn-sàng uốn mình dưới các chế độ. Từ khi tiếp-xúc văn-minh Âu Mỹ, họ đã bắt đầu biết đòi hỏi, tự cho mình cái quyền được sống theo ý tưởng của riêng mình và để cho thích hợp với cuộc đổi mới của xã hội.

Để giúp cho nữ thanh niên được dễ dàng trong sự tiến hóa, dễ-dàng đi đến cái hay cái đẹp của văn-minh, xã hội đã cho họ được học tập, gia-đình đã mở rộng biên giới, cho họ được trông xa thấy rộng, để có thể phân biệt, tìm lấy con đường chính phải đi.

Nhưng rút lại, người thiếu nữ Việt-nam đã đổi mới được những gì ? đã đưa lại cho gia-đình, cho xã hội những ích lợi gì ?

Ta hãy để ra ngoài sự đổi mới của hình thức, bởi vì thay đổi trong cách ăn mặc, sự trau chuốt hình-thể vốn dễ theo và hợp với sở-thích tự-nhiên của nhân loại. Có đáng kể chỉ là sự thay đổi trong tinh-thần, sự huấn luyện tâm tính.

Theo chỗ tôi thấy, thì dựa vào văn minh Âu-Mỹ, một số bạn gái nữ ta, chưa thâu nhận được tính gì tốt, và lại thêm ra một tính rất xấu là tính ỷ lại.

Khi trước, để thoát ra khỏi phạm vi gia-đình, phần nhiều bạn gái vin vào thuyết tự lập. Vậy ngày nay các bạn ấy đã thực hành được dự định ấy chưa ? Hay trái lại thế, nghĩa là ỷ-lại vào gia-đình chung, gia đình riêng, vào cha mẹ và vào người bạn trăm năm mà sống ?

Các bạn gái thôn quê, từ bao lâu nay, mực sống vẫn như cũ. Cuộc đời của họ vẫn là cuộc đời cần-cù hữu ích cho gia-đình. Riêng chỉ có lối sống của một số đông bạn gái thi-hành là đổi khác, nghĩa là các bạn ấy, thoát-ly cổ tục, không để tự lập mà chỉ để tránh cái nhiệm-vụ nặng-nề song cao quý, của các bậc vợ đảm mẹ hiền ngày xưa, và để sống theo sở thích riêng ở chỗ ăn mặc theo thời trang, vui chơi theo vật-dục.

Các bà mẹ chúng ta xưa kia, tuy chỉ có một số rất ít vẫn biết đến cái nghĩa chung trong xã-hội, cái lo chung của quốc-gia, nhưng hết thảy đều nhận chân trước nhiệm-vụ trong gia-đình, bao giờ cũng vui lòng gánh vác. Đức-tính vi-tha của « người » thực cao quý, chan-chứa lòng thương yêu rộng rãi : « Người » xuốt đời mang trong lòng cái lo chung cho những kẻ thân yêu ; cái sống no đủ của chồng của con là ở trong tay « người ».

Bây giờ không thế. Người con gái, khi còn ở nhà với cha mẹ, sống tựa vào lòng lo của cha mẹ, khi đi lấy chồng, sống dựa vào lưng chồng. Một người khi đã ỷ-lại không muốn bận tâm lo cho chính cuộc đời mình, thì nhiệm-vụ làm mẹ làm vợ đối với họ sẽ không là quan-trọng nữa. Con cái sẽ không trông-mong gì ở đấy một tương-lai sáng rỡ. Xã-hội cũng sẽ không hi-vọng gì ở đấy những mầm giống tốt giúp cho quốc-gia.

Tâm-hồn biếng-nhác và ỷ-lại đã khiến cho các bạn ấy lười suy nghĩ, không lúc nào có tư-tưởng kiến-thiết và phấn đấu, giòng đời trôi đến đâu, hay đến đó. Xã-hội, quốc-gia có đi đến chỗ tiến hóa hay bại-vong cũng thế thôi, miễn là họ có đủ cơm áo và tiền tiêu xa phí.

Không bao giờ các bạn ấy băn khoăn : làm thế nào cho đời mình thành hữu ích, và ngại ngùng khi tình-thế buộc phải đặt tay vào một công-cuộc gì.

Nói đến « làm » ? Các bạn ấy đã tưởng tượng ra trăm nghìn nỗi khó khăn và trở-ngại không bao giờ, không thể nào vượt nổi ! Thường có những việc rất thường, trong cuộc sinh sống hằng ngày của gia-đình riêng ! Các bạn ấy cũng đã lấy làm nặng nhọc lắm rồi.

Có một số bạn gái : sinh-kế gia-đình đã có cha mẹ ; khi đi ở riêng, đã có chồng lo. Nuôi-nấng con cái đã có vú bố ; dạy-dỗ con cái đã có nhà trường, có thầy giáo ; công việc nhà đã có kẻ ăn người ở làm... Cho dẫu đến hết cuộc đời, lối sống của họ cũng vẫn không đổi khác ! Vậy thì các bạn ấy, đã góp phần tâm lực gì vào cuộc sống còn của nhân loại ?

Thoát-ly cổ tục và chế-độ đại-gia-đình, họ dựa vào cái vật chất của văn minh để thành con người có tính ỷ-lại, hay nói cách khác, họ sống lối « hư thân mất nết » như các cụ vẫn thường mỉa-mai. Thế là trên con đường tân tiến, các bạn ấy đã đi giật lùi, đã từ lối sống cần-cù hữu ích của các bậc mẹ hiền xưa đi đến chỗ sống nhờ, ăn bại!

Lần thiên lịch-sử nhân loại, người ta thấy bao cuộc cải-cách để tiến-hóa. Đã cải-cách, tất phải có phá-hoại để tái-tạo và kiến-thiết. Có kiến-thiết tất phải có phấn đấu. Nhưng, với những tâm hồn lười biếng và tính ỷ-lại, thì xã hội được nhờ gì trong những cuộc cải-cách?

Vả, chẳng những thế, những người ấy, sẽ còn là mối lo lớn cho sự tiến hóa của quốc-gia nữa.

Khi xưa, các bà mẹ, bà vợ tuy ít khi giúp quốc-gia một cách trực tiếp, nhưng đã lo đỡ chồng con cuộc sinh-sống hằng ngày, để phái đàn ông được rảnh trí, lo công cuộc chung của xã-hội, thế tức là « người » cũng đã góp sức vào sự giúp ích quốc-gia.

Bây giờ nhiều bạn đã không được thế, lại còn để cho người đàn ông phải bận tâm đến mình, bớt lo cái lo chung, để tâm lực lo cho vợ cho con: Giòng tiến-hóa của xã-hội sẽ phải vì đấy mà chậm lại!

Vậy nếu muốn cho đời mình hữu ích, đáng kể, hợp với sự đổi mới của xã-hội, và nói rộng ra, ăn nhịp với sự tiến-hóa chung của nhân loại, một số nữ thanh-niên nước nhà cần phải bỏ lối sống nhờ của giây leo, nghĩa là rứt bỏ hẳn cái tính xấu ỷ-lại.

Bà LƯU-VĂN-LỢI

Làm thế nào mà biết...

(Tiếp theo trang 3)

ba sinh gặp-gỡ, kết duyên với một chàng trai trẻ — không kể qui-phái hay bình-dân — bằng lối tự do luyến ái. Vậy người ta rất có thể ca-tụng cái duyên kỳ ngộ ấy là « thần-tiên » lắm chứ! Và sao người ta lại không có quyền tâng-bốc nhau là « phượng-hoàng » được?

Lại như một người chân trời lưu-lạc, đất khách bơ-vơ, bỗng được một mỹ nhân nào đó yêu thương đùm bọc, rồi song-song đôi miệng, chữ « đồng » ghi-tạc đến xương... Nhưng, sau đó, khách trượng-phu nghe rõ tiếng gọi của thần Nghĩa-vụ, thoát động lòng bốn phương... Rồi một sớm, khách lên đường, bóng dần khuất trong quãng xa-xăm, lẽ tất nhiên phải để lại đằng sau cho ai những câu âm-thầm oán-trách:

« Buồn riêng thôi lại tủi thầm:
« Một duyên, hai nợ, ba làm lấy nhau! »

Thế thì cứ gì tất phải trường-hợp của Mỵ-Châu và Trọng-Thủy?

Tới đây, tôi cần phải thanh minh: Tôi chỉ có ý muốn tỏ ra rằng, đối với những câu phong-dao nào có chút tính-cách lịch-sử, ta nay cần phải thận-trọng, có đủ chứng-cứ lắm mới nên xếp nó vào loại có liên-quan đến nhân-vật hoặc sử-thực; bằng không thì thôi, chứ đừng vội gán liều, ép gượng, làm cho thất thực đi!

Ví-dụ như việc bà Trưng khởi nghĩa, nếu cứ theo quan-niệm của tác-giả *Việt nam phong sử* mà nhìn bà Trưng, thì công cuộc đuổi quân Hán, khôi-phục Văn-lang của bà chỉ gói-ghém trong hai chữ « thương chồng » là hết. Như vậy, nghĩa-cử của bà chỉ là vì *nhà*, vì *tình riêng*, bó chặt trong khuôn vòng nhỏ-nhen, chật hẹp. Nhưng, thực ra, cuộc khởi nghĩa của Trưng-Chắc, có thể nói, là một cuộc nổi dậy của dân Văn-lang chống lại cái văn-hóa ngoại xâm của người Hán để giữ lấy cái văn-hóa cố-hữu của mình. Chị em bà Trưng chỉ là đại-biểu cho cái khuynh-hướng ấy, là người lĩnh đạo cho cuộc nổi dậy ấy. Vậy bà Trưng bả phải chỉ vì « thương chồng » bị Tô Định giết mà « gắng công » trả thù nhà thôi đâu? Ta nên nhớ rằng trình-tự tiến hóa của một dân-tộc không phải riêng ở một giúm thiểu số anh-hùng hoặc anh-thư, nhưng toàn-thể dân-chúng mới là nguyên động-lực của cuộc tiến-hóa ấy.

***

Tóm lại, trong mớ phong-dao qui-báu của ta vẫn có nhiều câu liên quan đến lịch-sử, chứ không phải là phiếm chỉ cả đâu. Nhưng muốn phân-tích cho rạch-ròi, phán-đoán cho xác đáng, tất phải dùng đến phương pháp khoa-học, quyết không thể dựa vào những ấn-tượng nông-cạn nhẹ-nhàng về kỷ-ức lịch-sử, cũng không thể căn-cứ vào sự nhu-yếu của cảm tình, của chủ quan, rồi gò gập, rồi gán-ép câu này cho sử-thực này, câu kia cho nhân-vật kia như trên đã nói.

Một kỳ sau, tôi sẽ xin chất-chính cùng các bậc cao-minh mấy câu ca-dao mà tôi đã tìm thấy ở các sử sách như *Trưng vương sự-tích*, *Vũ trung tùy bút*, và *Tang thương ngẫu lục*... phải chăng là những nét mực đã phác sơ được đôi chút dấu-vết xác-thực về người hoặc việc trên trang lịch-sử nước ta.

HOA-BẰNG

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHẢY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 12

CHU-THIÊN

Đúng ngày hẹn, Đoàn Đông hải đại vương với mười vị tráng sĩ đại tài giúp việc dưới trướng ngài đem theo một trăm kỵ binh, ăn vận võ phục rất gọn gàng đeo cung tên mang kiếm, phóng ngựa lên đường thẳng tới núi Phượng hoàng. Núi này thuộc về địa phận của vua Chương võ, giáp giới với giang sơn của Đông hải đại vương. Núi chạy dài chín mươi chín ngọn, xa xa đối lại với rẫy núi Yên tử ở miền Đông. Dưới chân núi những rừng cây mọc liên tiếp nhau nối với cánh đồng bằng từ phía tây và phía nam chạy tít lên, làm thành một nơi non nước cỏ cây rất đẹp. Nguyễn-Nộn thật đã khéo chọn nơi sơn thủy kỳ thú này, để đôi bạn anh hùng hội họp bàn về việc lớn, giữa cảnh giời đất bao la cao-cả. Nắng xuân và gió xuân như cùng về hùa với cỏ cây đất nước này để được xứng đáng đón tiếp hai vị anh hùng, nên nắng tươi vàng và trong sáng lạ-lùng gió nhẹ-nhàng và mát lạ lùng. Giời đẹp, cảnh đẹp, chỉ còn đợi hai người họp bàn cùng thỏa thuận nhau vừa lòng đẹp ý nhau, thì thật là một cuộc hội họp hoàn toàn tươi đẹp. Ai nấy có lẽ đều cùng một ý nghĩ ấy, nên đều mong mỏi cho cuộc hội họp bắt đầu sớm và mau kết liễu để xem ngã ngũ ra làm sao. Đoàn người ngựa của Đông-hải-vương hăm-hở phi nước đại, mới nửa buổi đã đến nơi. Chương-võ hoàng-đế Nguyễn-Nộn và bọn tùy-tùng đã ở đấy rồi. Thấy Đoàn đại-vương tới, vua Chương-võ dẫn bọn hộ giá ra mãi ngoài cánh đồng đón. Hai vị tráng-sĩ đế-vương cố giao gặp nhau thi lễ rồi trông nhau cười nói rất vui vẻ, Chương-võ dẫn Đông-hải vào nhà trạm dựng ở chân núi Phượng-hoàng. Hai vị anh hùng ấy, oai nghiêm và thong thả cùng với các vị tráng-sĩ hai bên, đi rất thẳng hàng đều đặn, dưới hàng cờ cắm bên đường bay phất phới. Vào đến nhà Trạm, chia ngôi thứ ngồi xong đâu đấy, Chương-võ truyền Tỳ tướng ban Hỏa-đầu dâng nước, rồi nói vào việc ngay :

— Ta bàn ngay đến việc đã định sở dĩ ngu-huynh phiền hiền-đệ đến đây là mong cho đôi mặt một nhời, hỏi cho nó rứt khoát và mau chóng, vì việc cần kíp. Mồng một này Ngu-huynh khởi toàn quân đánh lũ loạn thần, hiền-đệ và cả anh em miền Đông có bằng lòng liên kết giúp vào không ?

Đoàn Đông-hải-vương liền đáp ngay.

— Tất nhiên anh em chúng tôi hết sức đồng lòng theo tôn-huynh. Đã từ lâu chúng tôi mong mỏi tôn-huynh hợp nhất tiến toàn lực về đánh Thăng-long, mà không được như ý là đều không phải tự chúng tôi...

Chương-võ ngắt ngay :

— Những lúc ấy binh lực của ngu-huynh còn non nớt chỉ đủ giữ gìn bờ cõi, chưa có thể tiến công ngay được, nên vẫn phải suy-tính kỹ-càng... Nhưng ta nói ngay việc bây giờ... Bây giờ anh em miền Đông đã bằng lòng liên-kết, rồi ngu-huynh thiết nghĩ nên bàn cách tiến quân trước, hiền-đệ cho biết ý kiến.

— Cùng tiến quân, chia đường vào đánh, quân bên nào bên ấy chỉ-huy.

Nguyễn-Nộn nói :

SÁCH GIÁ TRỊ

Siêu Hình Học
của Ng. đình Thi — *Giá 5$00*

Phật Giáo Triết Học
của Phan văn Hùm (in lần thứ hai) — *Giá 3$50*

Học Thuyết Freud
của Tô kiều Phương — *2.50*

Triết Học Einstein
của Ng. đình Thi — *2 30*

Thi Hào Tagore
của Ng. văn Hai — *4.80*

Triết Lý về Vũ-Trụ và Nhân-Sinh
của Phan Mật — *2.30*

Vàng Sao
của Chế lan Viên — *2.50*

Triết Học Descartes
của Ng. đình Thi — *4.50*

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
29, Lamblot — Hanoi

— Ngu-huynh tưởng hợp nhất thì hơn, tướng bên nọ có quyền chỉ huy quân của bên kia, việc dùng binh mới nhất loạt được.

Đoàn-vương mỉm cười lắc đầu nói :

— Không được, như thế chỉ có nhất loạt bề ngoài, mà bên trong thì quân tướng không hiểu nhau thành ra loạc-choạc, quân lệnh thêm khó.

Hai bên bàn đi bàn lại mãi, lại hỏi cả ý kiến các bậc tráng sĩ. Sau cùng hai bên đều thỏa-thuận theo ý định của Chương-võ hoàng-đế Nguyễn-Nộn. Các tướng tả miền Đông phải giàn quân ra chạy dài thẳng theo dọc sông Phú-lương lên đến gần thành Điêu-diêu (1). Các tướng tả miền Bắc cũng chia quân sang qua sông Phú-lương để tiến thẳng đánh phía tây thành Thăng-long, một nửa quân thì tiến xuống Điêu-diêu họp với tiền quân miền Đông để tiến sang đò cùng đánh vào thành một lúc. Còn vua Chương-võ và Đoàn-vương mỗi người dẫn một đội trung-quân riêng, đốc suất toàn-quân. Mỗi bên được châm-chước thêm theo sách lược riêng của mình.

Thỏa-thuận về quyết định ấy rồi mọi người ăn uống vui vẻ trò-chuyện thân-mật, mãi đến quá trưa sang chiều mới giải tán ra về, ai nấy đều hoan hỷ nghĩ đến công việc phải làm trong ngày tiến binh sắp tới. Nguyễn-Nộn thân dẫn toàn đội đi tiễn Đông-hải vương ra mãi xa ngoài mười dặm mới cùng nhau từ biệt giở lại. Đoàn kỵ binh của Đông-hải vương lúc ấy mới giật cương phi như lao để về kịp tối. Bỗng có cơn gió tự tây nam nổi về rung cây đổ lá cuốn tung cát bụi mù bay. Sức gió thổi mạnh bắt lại đoàn ngựa phi nhanh, lật đổ cái mũ bình thiên Đoàn-vương đội trên đầu bay tung lên cao và rơi lại sau. Cả đoàn phải dừng lại để nhặt mũ cho ngài. Mấy tên lính thì thầm bàn tán tỏ vẻ lo sợ ; mấy vị quan cũng cho là điềm gở, rồi đến mấy vị anh hùng cao quan cũng tỏ nỗi lo-âu :

— Mũ của Đại-vương vừa khít và chặt chẽ như thế mà lại bay, rơi xuống đất, ắt là có sự chẳng lành.

(Còn nữa)

CHU-THIÊN

(1) Điêu diêu = Gia lâm bây giờ

MỘT BỘ SÁCH :

Cổ nhất Đông-Phương !
lạ nhất nhân - loại !

Nguồn gốc chỉ là một cái gạch ngang, rồi qua tay 4 vị Thánh nhân, cái gạch ngang ấy diễn thành một pho sách cực kỳ hùng-vĩ. Đó là bộ :

KINH DỊCH

mà người Việt-nam ta có lẽ không mấy người là không nghe thay tên, nhưng chắc ít người biết rõ nội dung ra sao.

KINH DỊCH

là một bộ sách đã xuất-hiện trên một vạn năm, mà mấy trăm học-giả phương Đông theo gót nhau nghiên-cứu và chú-giải đến hai nghìn năm nay vẫn chưa hết nghĩa.

KINH DỊCH

thật là một pho sách uyên-thâm, huyền-diệu, bao quát tất cả các lẽ trong vũ-trụ.

Các bài thơ và kinh có in nguyên văn chữ Hán

Toàn bộ giày trên dưới 2000 trang in luôn một lúc đóng làm 5 quyển

Sách đã bắt đầu in nhưng không bán lẻ từng cuốn

Sách in làm 3 hạng :

Hạng giấy thường	sẽ bán từ	20$00
Hạng lụa Đó	(đựng hộp bọc lụa)	50.00
Hạng Bạch Minh châu (đựng hộp gấm)		150.00

Thêm cước gửi ngoài

Thư và ngân phiếu xin gửi về

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

XƯỚNG CA VÔ LOẠI !

— Nghề ca hát có phải là một nghề vô loại không ?

— Đó là một câu hỏi mà từ trước tới nay phần đông vẫn trả lời một cách rất mập mờ.

— Vậy xin các ngài hãy đọc cuốn :

SỰ-TÍCH VÀ NGHỆ-THUẬT

HÁT-BỘ

Giày ngót 400 trang và 18 bức vẽ

của ông Đoàn-Nồng giáo sư trường Khải-Định Huế, thì các ngài sẽ thấy Hát-Bộ của ta là một nghề cao quí, đầy ý nghĩa, kiến văn-chương và mỹ thuật. Không những thế cuốn sách này còn mang lại cho chúng ta những cái tinh-hoa về văn-hóa cũ của tiền nhân chúng ta để lại. Vì trong cuốn này, ngoài việc nghiên cứu, tác giả còn kể lại cốt chuyện và sao lục nguyên-văn các vở tuồng hay. Đọc cuốn này các ngài sẽ phân biệt được các điệu hát và sẽ nhận ngay ra đúng hay sai điệu khi nghe đào kép mần tuồng.

Mỗi cuốn 3$00 thêm cước 0$47

Loại đặc-biệt 6$ thêm cước 0$47

Thư và ngân phiếu gửi về :

Nhà in Mai-Lĩnh Hanoi

Một bộ sách quí

do thư-xã ALEXANDRE DE RHODES

xuất - bản

THƯỢNG - CHI VĂN - TẬP

quyển nhất

của cụ PHẠM-QUỲNH, Lại-bộ thượng-thư

Sưu tập những áng văn hay đã đăng trong tạp-chí Nam Phong từ 1917-19, sẽ lần-lượt phát-hành từ 6 đến 10 quyển.

Sách dày 350 trang, khổ 12×18

Bản thường 5$00 — Bản giấy láng 10$00

Tổng phát hành

MAI-LĨNH

21, Rue des Pipes — Hanoi

NHÀ SÁCH LỚN MỸ THUẬT

MINH ĐỨC

Thái Bình — Bắc kỳ

Đã bầy thêm nhiều tác phẩm quốc văn đẹp, in trên các bản giấy qui

tại :

NHÀ GỐ-ĐA (ở gian dưới)

Đường Tràng Tiền — Hanoi

Riêng những sách sau đây : *Luận Ngữ Đại Học — Trung Dung — Hán Việt Tự điển* — và một tủ sách toàn các sách đẹp đặc biệt do các nhà văn của nhà Đời Nay.

Khi mua xin viết thơ thẳng về nhà

Sách chính **MINH ĐỨC**

THÁI BÌNH

Hai quyển sách trọn lọc in khổ lớn 21×18 trình bầy rất công-phu in giấy trên trăm trang, mỗi quyển 2$80, bản quý in trên giấy Hoàng-minh châu, Tường-vi, Gió lụa giá 25$00, sắp phát hành khắp Đông dương.

LÃ GIA

Danh nhân chuyện

của HẢI-TRẦN

Thân thế và công nghiệp một vị lão thần nhà Triệu. Một quang sử về văn và bi đát.

Một tâm trạng có lẽ thắc-mắc của một người thiết tha yêu nước thương dân.

MẸ TÔI

Sách đọc trong gia đình

của NGUYỄN-KHẮC-MẪN

Tặng tất cả những ai đã thiêu thốn sự âu-yếm nuông chiều. Đây không là lời văn mà là những rung động thành thực của một tâm hồn hiếu tử.

Có phụ thêm mấy truyện tâm-tình nhẹ nhàng và

ĐÓN COI

ANH THƯ ĐỜI MẠC của Chu-Thiên

THANH NIÊN CA lời ca và âm nhạc của Đào-Hợp

MÓN QUÀ TRẺ EM của bà Tương-Phố

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

Giám đốc : Ái Lang NGUYỄN-TẾ-MỸ

bis Sinh-Từ — Hanoi

TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN

mới có bán :

Thân-thế và sự-nghiệp

LÊ THÁNH - TÔNG

CHU THIÊN khảo cứu

Đời vua Lê Thánh Tông là một đời thịnh-trị vào bậc nhất trong lịch sử nước Việt-nam ta. Ai muốn biết nội dung bộ Luật Hồng-Đức, sự tổ chức viên hàn lâm TAO ĐÀN do Lê Thánh-Tông sáng lập và chủ tịch, ảnh hưởng của đời ấy đến tâm hồn Việt-nam — không thể bỏ qua được quyển sách này.

Giá 3$00

ĐÃ XUẤT BẢN

LUẬN LÝ THỰC NGHIỆP

của LÊ VĂN-SIÊU

TRIẾT HỌC LÀ GÌ ?

của NGHIÊM-TỬ

HÀN THUYÊN : *71 Tien tsin — Hanoi*

REVUE TRI TÂN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi